

## LỜI MỞ ĐẦU

Nhà xuất bản Sống Mới xin trân trọng giới thiệu quyển sách “Chìa Khóa Tử Vi” của cụ Quán Xuân Thịnh. Một quyển sách cực quý. Có một không hai, vô tiền khoáng hậu.

Xuất bản từ năm 1952 tại Hà Nội, đất nghìn năm văn vật, với một số lượng thật hạn chế. Trải qua bao nhiêu năm ly loạn, tưởng như đã thất truyền. May mắn thay ! Cả nước Việt Nam còn sót lại được một quyển duy nhất.

Tất cả những bí quyết tâm huyết của Đệ nhất Danh Sư Tử Vi Việt Nam : Cụ Quán Xuân Thịnh (một ngôi Sao Bắc Đẩu về lý số, Tử Vi của nước Nam ta) được gói ghém trọn vẹn trong sách này. Quyển sách được đặt tên là “Chìa Khóa Tử Vi”.

Nhà xuất bản Sống Mới.

### HẠN CUNG TÝ

Hạn đi đến Cung Tý gặp nhiều Sao tốt như sau này, thời thịnh vượng, tiến tài lộc :

Thất sát, phá quân, tuổi Quý, Canh, Kỷ thì tốt.

Cự môn, Thiên cơ, tuổi Ất, Quý thì tốt.

Thiên đồng, tuổi Bính, Đinh thì tốt.

Hạn đi đến Cung Tý, gặp những Sao xấu như sau này, thời phải tán tài, tai ương :

Tử Vi tại Tý, tuổi Bính, Mậu, Nhâm thì xấu.

### LUẬN TỐT XẤU CHO 10 CHỮ HÀNG CAN, HẠN NĂM TÝ

Thiên Cơ, Thiên Đồng, Thái Âm, Xương Khúc, Tả Hữu, Phá Quân, Thiên Tướng, Tham Lang, Vũ Khúc, Thiên Phủ, Cự Môn, Thất Sát. Tất cả các tuổi gặp, bất cứ ở Cung nào cũng tốt, nếu gặp Liêm Trinh, Tử Vi, Thiên Lương, Thái Dương, Hóa Kỵ, Kinh, Đà Thời xấu.

Nếu các Sao kể trên đều hãm, gia thêm Linh, Hỏa tối nguy : tang thương, tán tài, khẩu thiệt, ốm đau.

Xin xem thêm “Lời Bàn” ở phía sau.

### HẠN CUNG SỬU

Hạn đi đến Cung Sửu gặp nhiều Sao tốt như sau này, thời thịnh vượng, tiến tài lộc :

Thiên cơ tại Sửu, tuổi Bính, Tân thì tốt

Thiên tướng tại Sửu tuổi Mậu thì tốt

Thái Âm, Vũ Khúc tại Sửu, tuổi Bính, Mậu thì tốt

Thiên phủ, Liêm Trinh tại Sửu, tuổi Mậu thì tốt

Hạn đi đến Cung Sửu, gặp những Sao xấu như sau này, thời phá tán, tai ương :

Thái Dương tại Sửu, tuổi Giáp, Kỷ = xấu

Thiên cơ tại Sửu, tuổi Quý = xấu

Thiên đồng, Liêm Trinh tại Sửu, tuổi Đinh, Canh thì xấu

### **LUẬN TỐT XẤU CHO 10 CHỮ HÀNG CAN, HẠN NĂM SỬU**

Tử Vi, Thiên Tướng, Thiên Lương, Thái Âm, Thiên Phủ, Liêm Trinh, Phá Quân, Thiên Cơ, Xương Khúc, Tả Hữu, Lộc Tồn, tất cả các tuổi gặp bất cứ ở Cung nào cũng tốt, nếu gặp Thiên Đồng, Cự Môn, Vũ Khúc, Tham Lang, Hóa Kỵ, Thái Dương, Kinh Đà thời xấu, thêm Linh, Hỏa tối nguy.

Xin xem thêm “Lời Bàn” ở phía sau.

### **HẠN CUNG DẦN**

Hạn đi đến Cung Dần gặp nhiều Sao tốt như sau này, thời thịnh vượng, tiến tài lộc :

Tử Vi, Thái Dương, Vũ Khúc, Thiên Lương, Thất Sát tại Dần, tuổi Giáp, Canh, Đinh, Kỷ = tốt.

Hạn đi đến Cung Dần, gặp nhiều Sao hãm như sau này, thời tán tài, tai ương :

Liêm Trinh, Tham Lang, Phá Quân tại Dần, tuổi Bính, Mậu quan tai, khẩu thiệt, tuổi Giáp Tý tang thương.

### **LUẬN TỐT XẤU CHO 10 CHỮ HÀNG CAN, HẠN NĂM DẦN**

Tử Vi, Thiên Phủ, Thiên Cơ, Thái Âm, Vũ Khúc, Thất Sát, Thiên Đồng, Thiên Tướng, Thái Dương, Cự Môn, Thiên Lương, các tuổi gặp bất cứ ở Cung nào cũng tốt, nếu gặp Tham Lang, Đà, Kỵ, thời xấu.

Xin xem thêm “Lời Bàn” ở phía sau.

### **HẠN CUNG MÃO**

Hạn đi đến Cung Mão gặp nhiều Sao tốt như sau này, thời thịnh vượng, tiến tài lộc :

Tử Vi, Thiên Cơ, Thái Dương, Thiên Tướng, Thiên Phủ, Thiên Đồng, Vũ Khúc, tuổi Ất, Tân : tốt.

Hạn đi đến Cung Mão, gặp những Sao xấu như sau này, thời tán tài, tai ương :

Liêm Trinh, tuổi Giáp, Bính hoạnh phát, hoạnh phá, Thái Âm tuổi Giáp, Kỷ phá tài, tuổi Canh, thời tai hại cửa.

### **LUẬN TỐT XẤU CHO 10 CHỮ HÀNG CAN, HẠN NĂM MÃO**

Thái Âm, Thiên Lương, Tử Vi, Thiên Cơ, Thiên Đồng, Thiên Phủ, Tham Lang, Cự Môn, Thất Sát, các tuổi gặp bất cứ ở Cung nào cũng tốt, nếu Liêm, Phá, Âm Tướng ở chung với Kỵ, Kinh thời xấu.

Xin xem thêm “Lời Bàn” ở phía sau.

## HẠN CUNG THÌN

Hạn năm Thìn đi đến Cung Thìn, gặp nhiều Sao tốt như sau này :

Tử Vi, Tham Lang, Thất Sát, tuổi Quý, Giáp = tốt

Thiên Cơ, Thái Dương tuổi Đinh, Canh, Quý = tốt

Thiên Đồng, tuổi Mậu, Canh, Quý thì mọi sự vừa ý (tốt vừa).

Cự Môn, tuổi Bính, Tân được toại ý (bình thường).

Hạn đi đến Cung Thìn, gặp những Sao xấu hãm như sau này, thời tán tài, tai ương :

Tham Lang, Vũ Khúc tuổi Nhâm, Quý = xấu

Thiên Đồng, Cự Môn tuổi đinh, Canh = xấu

Liêm Trinh, tuổi Nhâm, Quý = quá xấu

Âm, Dương, Thiên cơ tuổi Giáp, Ất, Mậu, Kỷ = xấu

## LUẬN TỐT XẤU CHO 10 CHỮ HÀNG CAN, HẠN NĂM THÌN

Thái Dương, Thiên cơ, Thiên Lương, Thất Sát, Tham Lang, Văn Xương, Tả, Hữu các tuổi gặp, bất cứ ở Cung nào cũng tốt, nếu gặp Tử Vi, Thiên Đồng, Liêm Trinh, Thiên Phủ, Thái Âm, Cự Môn, Thiên Tướng, Phá Quân và Kỵ Hãm, thời phá tài, tang chế, khẩu thiệt.

Xin xem thêm “Lời Bàn” ở phía sau.

## HẠN CUNG TỶ

Hạn đi đến Cung Tỵ gặp nhiều Sao tốt như sau này :

Tử Vi, Thiên Phủ, Thiên Đồng, Cự Môn, Thiên Tướng, Thiên Lương, Phá Quân, tuổi Bính, Mậu, Tân = tốt

Thái Âm, Thiên Cơ, tuổi Đinh, Nhâm, Tân, Bính thì phát tài

Tham Lang, tuổi Giáp, Mậu = bình thường

Hạn đi đến Cung Tỵ, gặp nhiều Sao xấu hãm như sau này, thời tán tài, tai ương :

Cự Môn, Tham Lang, tuổi Quý, Bính = khẩu thiệt

Thái Âm, Phá Quân = nhiều chuyện rắc rối

## LUẬN TỐT XẤU CHO 10 CHỮ HÀNG CAN, HẠN NĂM TỶ

Tử Vi, Thái Dương, Thiên Đồng, Thiên Phủ, Thiên Lương, Lộc tồn các tuổi gặp, bất cứ ở Cung nào cũng tốt, nếu gặp Vũ Khúc, Liêm Trinh, Thái Tuế, Tham Lang, Cự Môn, Thiên Tướng, Phá Quân, Hóa Kỵ = xấu, bình thường.

Xin xem thêm “Lời Bàn” ở phía sau.

## HẠN CUNG NGỌ

Hạn đi đến Cung Ngọ gặp nhiều Sao tốt như sau đây :

Tử Vi, Thái Dương, Vũ Khúc, Thiên Đồng, Thiên Lương, Liêm Trinh, Thất Sát, Phá Quân, tuổi Đinh, Kỷ, Giáp, Quý = tiến tài, toại ý.

Hạn đi đến Cung Ngọ, gặp nhiều Sao xấu hãm như sau này, thời tán tài, tai ương :

Thiên Đồng, Thái Âm, Tham Lang.

### **LUẬN TỐT XẤU CHO 10 CHỮ HÀNG CAN, HẠN NĂM NGỌ**

Tử Vi, Thiên Phủ, Thiên Cơ, Thái Dương, Vũ Khúc, Liêm Trinh, Thiên Tướng, Cự Môn, Thiên Lương, Phá Quân, Lộc Tồn – các tuổi gặp bất cứ ở Cung nào cũng tốt, nếu gặp Thái Âm, Tham Lang, Thiên Đồng, Kinh, Đà, Kỵ thời tài phá, vong gia (đồng Âm tại Ngọ cần phượng, Giải, Kinh thì tốt).

Xin xem thêm “Lời Bàn” ở phía sau.

### **HẠN CUNG MÙI**

Hạn đi đến Cung Mùi, gặp nhiều Sao tốt như sau đây :

Hạn đi đến Cung Mùi, gặp nhiều Sao xấu như sau đây thời tán tài, vong gia :

Thái Dương, tuổi Giáp Ất : đa ưu (rắc rối nhiều chuyện)

Thiên Đồng tuổi Đinh, Canh = đa tai nạn

Vũ Khúc, tuổi Nhâm, Quý = quan phi, tán tài

### **LUẬN TỐT XẤU CHO 10 CHỮ HÀNG CAN, HẠN NĂM MÙI**

Tử Vi, Thiên Phủ, Liêm Trinh, Thiên Cơ, Phá Quân, Thiên Tướng, các tuổi gặp bất cứ ở Cung nào cũng tốt, nếu gặp Thái Dương, Thái Âm, Vũ Khúc, Thiên Đồng, Tham Lang, Cự Môn, Kinh, Đà, Hỏa, Kỵ, mọi sự bất như ý, tán tài. Đàn bà thời ốm đau, khẩu thiệt, người tuổi Mộc nhiều tai ương.

Xin xem thêm “Lời Bàn” ở phía sau.

### **HẠN CUNG DẬU**

Hạn đi đến Cung Dậu gặp nhiều Sao tốt như sau này :

Tử Vi, Thiên Lương, Thái Âm, tuổi Bính, Mậu, Ất, Tân được tiến tài, lợi.

Hạn đi đến Cung Dậu, gặp Sao xấu hãm như sau này, thời tai họa :

Thái Dương, Thiên Đồng, tuổi Giáp, Ất = bất lợi tài

Vũ Khúc tuổi Canh, Nhâm = bất lợi tài

Thiên Tướng tuổi Giáp Canh = bất lợi tài

Liêm Trinh tuổi Giáp, Canh, Bính, Tân = bất lợi tài

Thiên Phủ tuổi Giáp, Canh, Nhâm = bất lợi tài

### **LUẬN TỐT XẤU CHO 10 CHỮ HÀNG CAN, HẠN NĂM DẬU**

Lộc Tồn, Thái Tuế, Tử Vi, Thiên Phủ, Xương, Khúc, Tả, Hữu, mọi sự toại ý, nếu gặp Thiên cơ, Cự môn, Vũ Khúc, Liêm Trinh, Kinh, Đà, Kỵ = tán tài, khẩu thiệt, quan phi.

Xin xem thêm “Lời Bàn” ở phía sau.

### **HẠN CUNG TUẤT**

Hạn đi đến Cung Tuất gặp nhiều Sao tốt như sau này :

Tử Vi, tuổi Nhâm, Giáp, Đinh, Kỷ = tiến tài

Thái Âm tuổi Đinh, Kỷ = cát khánh

Vũ Khúc tuổi Đinh, Kỷ, Giáp, Canh = cát khánh

Thiên Cơ tuổi Giáp, Ất, Đinh, Kỷ = phát phúc

Cự Môn tuổi Đinh, Kỷ, Tân, Quý = phát phúc

Thiên Đồng, Liêm Trinh, Phá Quân, Thất Sát tuổi Đinh, Kỷ, Giáp = phát phúc, tài.

Hạn đi đến Cung Tuất, gặp các Sao xấu hãm như sau :

Tham Lang tuổi Quý = bất nghi

Thiên Đồng tuổi Canh = bất nghi

Thiên Cơ tuổi Mậu = bất nghi

Cự Môn tuổi Đinh = bất nghi

Thái Dương tuổi Giáp = bất nghi

Liêm Trinh tuổi Bính = bất nghi

Vũ Khúc tuổi Nhâm = bất nghi

(Chữ bất nghi có nghĩa là “bình thường và hơi xấu”)

### LUẬN TỐT XẤU CHO 10 CHỮ HÀNG CAN, HẠN NĂM TUẤT

Thiên Cơ, Thái Âm, Thiên Lương, Thiên Phủ, Vũ Khúc, Thất Sát, Tham Lang, Tả, Hữu, Thiên Đồng : được tiến tài, lợi ích, mọi sự như ý : nếu gặp Cự Môn, Thái Dương, Phá Quân, Tử Vi, Thiên Tướng, Hóa Kỵ thời tai họa, tang thương, ốm đau, nửa tốt, nửa xấu.

Xin xem thêm “Lời Bàn” ở phía sau.

### HẠN CUNG HỢI

Hạn đi đến Cung Hợi gặp nhiều Sao tốt như sau này :

Tử Vi, Thiên Đồng, Cự Môn, Thiên Lương, tuổi Nhâm, Quý, Mậu được cát khánh

Thiên Cơ tuổi Nhâm được cát mỹ

Thiên Tướng, tuổi Đinh, Kỷ và Bính, Mậu được phát phúc

Thái Âm, tuổi Mậu, Kỷ được tài quan song mỹ

Hạn đi đến Cung Hợi, gặp Sao xấu hãm như sau đây :

Liêm Trinh, tuổi Bính, Nhâm, Quý = bất nghi

Vũ Khúc, tuổi Bính, Nhâm = bất nghi

Thái Dương, tuổi Giáp = bất nghi

### LUẬN TỐT XẤU CHO 10 CHỮ HÀNG CAN, HẠN NĂM HỢI

Thiên Đồng, Thái Âm, Thiên Lương, Tử Vi, Thiên Phủ, Xương, Khúc, Lộc Tồn = Nhân tài, tiến ích, kỷ khí trùng trùng – các tuổi gặp bất cứ ở Cung nào cũng được tốt, nếu gặp Liêm Trinh, Phá Quân, Thất Sát = tiền tài hao tán, khẩu thiệt, ốm đau.

Xin xem thêm “Lời Bàn” ở phía sau.

## **LỜI BÀN**

Về hạn của các Cung được trình bày ở những trang vừa qua, trong 12 năm vận hạn tốt, xấu tùy liệu mà đoán định. Thí dụ :

1. Đúng cách tốt, lại thêm Khoa, Quyền, Lộc, Khôi, Việt, Long, Phượng, Khúc, Xương – Thời tốt thêm.
2. Đúng cách xấu, lại thêm Linh, Hoa, Kiếp sát, Không kiếp thời xấu thêm.
3. Giáp, Đinh, Kỷ, Quý, lợi Tử, Phủ. Nếu Mệnh có Tử, Phủ hạn gặp Tử, Phủ hội đa quý tinh, thời bội phần tốt.
4. Tới năm Kỷ hoặc Giáp – Mệnh có Tử, Phủ nhưng hạn không có Tử, Phủ vậy tháng nào gặp Tử, Phủ thời tháng ấy có lợi lạc, ảnh hưởng tốt.
5. Tới năm Kỷ hoặc Giáp – Mệnh không có Tử, Phủ, hạn không có Tử, Phủ, nhưng được nhiều quý tinh đẹp, cũng đến tháng có Tử, Phủ mới phát đạt.
6. Các cách “chìa khóa” đã kể rõ trong 12 năm nếu tốt mà gặp Tuất – không ngay năm đó cũng bị giảm, nếu xấu mà gặp Triệt lộ ngay năm đó cũng đỡ xấu.

## **LUẬN**

### **PHÚ, QUÝ, BÀN, TIỆN, THỌ, YẾU CỦA CÁC VỊ TINH TÚ THỦ CHIẾU THÂN, MỆNH**

1. Tử Vi cư Ngọ vô Hình, Kỵ, Giáp, Đinh, Kỷ, Mệnh chí công khanh.
2. Tử Vi nam Hợi, Nữ Dần Cung, Nhâm, Giáp sinh nhân phú quý đồng.
3. Tử Vi, Thiên Phủ toàn y phụ, Bật chí công.
4. Tử, Phủ triều viên hoạt Lộc phùng, chung thân phúc hậu chí tam công.
5. Tử, Phủ, Nhật, Nguyệt cư vượng địa, tất định xuất giai công khanh khí.
6. Tử Vi, cư Tý, Ngọ, Khoa, Quyền, Lộc chiếu tối kỳ.
7. Tử Vi cư Mão, Dậu, Kiếp, Không, tử sát đa vi thoát tục chi tăng (đi tu thời đạt tiến).
8. Tử, Phủ đồng Cung vô sát tấu, Giáp nhân hưởng phúc chung thân.
9. Tử, Sát đồng lâm Ty, Hợi nhất triều phú quý song toàn.
10. Tử, Phủ, Vũ khúc lâm tài, Trạch cánh khiêm Quyền, Lộc phú đồ ông (có phú nhưng không có quý).
11. Tử Vi, Phụ Bật đồng Cung nhất hô bách nạch cư thượng phẩm.

12. Tử, Phủ, Kinh Dương tại cự thương (buôn bán làm giàu).
13. Tử, Phủ, giáp Mệnh vì quý cách.
14. Tử, Lộc đồng Cung Nhật, Nguyệt chiếu, quý bất khả ngôn.
15. Tử Vi, Xương, Khúc phú quý khả kỳ.
16. Tử Vi, Thất sát, Hóa quyền phản tác trình tương (điềm tốt).
17. Tử Vi, Thái Âm sát diệu phùng, nhất sinh tào sử sinh anh hùng.
18. Tử Vi, Phá quân vô Tả, Hữu, Vô cát diệu (Sao tốt) hung ác tể tử chi đồ (theo kẻ gian tà).
19. Tử Vi, Vũ Khúc, Phá Quân hội Dương, Đà khi công họa loạn chỉ nghĩ kinh, thương.
20. Tử Vi, Quyền, Lộc ngọ Dương, Đà tuy mỹ cát – nhi vô đạo, vì nhân tâm thuật bất chính.
21. Tử Vi, Thất sát gia không vong, hư danh thụ ẩm (nhờ bố mẹ)
22. Tử, Phá Mệnh lâm ư Thìn, Tuất, Sửu, Mùi tái gia cát diệu phú quý thậm kỳ.
23. Tử, Phá Thìn, Tuất quân thần bất nghĩa (số An Lộc Sơn thuở trước) Kỷ mùi 7 – 7 giờ Tuất.
24. Tử, Phá, Tham Lang vì chí dâm, nam nữ tà dâm.
25. Nữ Mệnh Tử Vi, Thái Âm tinh, tảo ngộ hiền phu tín khả phùng.
26. Thiên Phủ, Tuất Cung vô Sát tấu, Giáp, Kỷ nhân, yêu kim hựu thả phú.
27. Thiên phủ, Thiên Tướng, Thiên Lương đồng quân thần khánh hội.
28. Thiên Phủ cư Ngọ, Tuất, Thiên Tướng lai triều, Giáp nhân nhất phẩm chi quý.
29. Phủ, Tướng triều viên, thiên chung thực lộc (giàu).
30. Thiên Phủ, Lộc Tồn, Xương, Khúc cự vạn chi tứ (giàu sang).
31. Thiên phủ, Xương, Khúc, Tả, Hữu cao đệ ân vinh.
32. Thiên phủ, Vũ Khúc cư tài, Trạch cánh khiêm Quyền, Lộc phú đô ông (phong lưu).
33. Thiên Tướng, Liêm Trinh, Kinh Dương giáp đa chiêu binh trượng nan đào (tù tội).
34. Thiên Tướng chi tinh nữ Mệnh triều, tất Dương tử quý cập phu hiền.
35. Hữu bật, Thiên Tướng, Phúc lai lâm.
36. Thiên lương, Nguyệt diệu nữ dâm bản.
37. Thiên lương thủ chiếu, cát tương phùng, bình sinh phúc thọ.
- 38.
39. Lương Đồng, Cơ, Nguyệt, Dần, Thần vị, nhất sinh lợi nghiệp thông minh.
40. Lương, Đồng, Tị, Hợi nam đa lãng dăng, nữ đa dâm.
41. Thiên lương, Thái Dương, Xương, Lộc hội, lô truyền đệ nhất danh (ý nói gọi loa được đỗ đậu).

42. Thiên lương, Văn xương cư miếu vượng, vị chí đài cương.
43. Lương, Vũ, Âm, Linh nhi tác đồng lương chi khách.
44. Lương tú, Thái Âm khước tác phiêu phùng chi khách (phùng cổ sức ý nói số lưu lạc giang hồ).
45. Thiên lương, Thiên mã vi nhân phiêu đăng phong lưu.
46. Thiên lương gia các tọa Thiên Di (buôn bán to, nếu gặp Hình, Kỵ thời bình thường).
47. Thiên đồng hội cát thọ nguyên thời (thọ cách).
48. Đồng, Nguyệt hãm Cung gia sát, trọng kỹ nghệ doanh hoàng (làm thợ thì đạt).
49. Thiên Đồng, Tham, Dương, Đà cư Ngọ vị, Bính thìn chấn ngự biên cương.
50. Thiên Đồng Tuất Cung Hóa Kỵ, Đinh nhân Mệnh ngộ phản vi giai
51. Nữ Mệnh, Thiên Đồng tất thị hiền ...
52. Cơ, Lương hội hợp thiện đàm binh, cư Tuất diệc vi mỹ luận.
53. Cơ, Lương thủ Mệnh gia các diệu phú quý từ tường.
54. Cơ, Lương đồng chiếu Mệnh, Thân không biên nghi tăng đạo.
55. Cơ, Lương, Thất Sát, Phá quân xung Vũ, Khách tăng lưu Mệnh sở phùng.
56. Cơ, Nguyệt, Đồng, Lương tác lại nhân.
57. Cơ, Lương, Tham, Nguyệt, Đồng, Cơ hội, mộ dạ kinh thương vô để thù (buôn bán ngược xuôi).
58. Thiên cơ gia ác sát đồng Cung cầu thân thử thiết (ăn trộm vặt).
59. Thiên cơ, Tị Cung, Dậu phùng hảo ả, ly tông gian xảo trung.
60. Cự hãm Thiên cơ vi phá cách
61. Nhật chiếu lôi môn, Tý, Thìn, Mão địa hoạch sinh phú quý thanh Dương.
62. Thái Dương cư Ngọ, Canh, Tân, Đinh, Kỵ nhân phú quý song toàn.
63. Thái Dương, Văn xương tại Quan lộc, Hoàng diện triều ban.
64. Thái Dương, Hóa kỵ thị phi nhật hữu mục hoàn thương (cũng có ngày đau mắt).
65. Nhật lạc Mùi, Thân tại Mệnh vị, vi nhân tiên cần hậu lãn (hay chóng chán).
66. Nữ Mệnh đoan chính Thái Dương, tính hảo phước hiền, phu tĩn khả phùng.
67. Thái Âm cư Tý, Bính Đinh phú quý trung lương.
68. Thái Dương đồng Văn Khúc ư thê Cung, thêm Cung triết quế.
69. Thái Âm, Vũ Khúc, Lộc tồn đồng Tả, Hữu tương phùng, phú quý ông.
70. Thái Âm, Dương, Đà tất chủ : nhân ly, tài tán.
71. Nguyệt lã thiên môn ư Hợi địa, đăng văn chức trưởng đại quyền.
72. Nguyệt diệu, Thiên lương nữ dâm bản.
73. Thái Dương, Thái Âm cũng chiếu cách.
74. Nhật, Tý, Nguyệt Dậu, Sửu Cung Mệnh, Bộ thêm Cung.



75. Nhật Mão, Nguyệt Hợi, an Mệnh Mùi Cung, đa triết quế.
76. Nhật, Nguyệt, đồng Mùi, Mệnh an Sửu, hầu bá chi tài.
77. Nhật, Nguyệt Mệnh, Thân cư Sửu, Mùi, tam phương vô cát phản vi hung.
78. Nhật, Nguyệt thủ Mệnh, Bất như chiếu hợp tịnh minh.
79. Nhật, Thìn, Nguyệt, Tuất, tịnh tranh quang quyền lộc phi tàn.
80. Nhật, Nguyệt giáp Mệnh, giáp Tài gia cát diệu, bất quyền tắc phú.
81. Nhật, Nguyệt tối hiểm phản bối.
82. Âm, Dương, Tả, Hữu hợp vi giai.
83. Nhật, Nguyệt, Dương, Đà đa khắc thân (phụ mẫu).
84. Nhật, Nguyệt hãm xung, phùng ác sát, lao lực, bồn ba.
85. Nhật, Nguyệt cánh tu Tham, Sát hội, nam đa gian đạo, nữ đa dâm.
86. Nhật, Nguyệt tật ách, Mệnh Cung không yêu đà mục cổ (quáng gà).
87. Văn Xương, Vũ Khúc vi nhân, đa học, đa năng.
88. Văn khoa củng chiếu, Giả nghị niên thiếu đăng khoa (quý Mão 10/3 giờ Mão).
89. Tả phù, Văn xương vi chí tam thai.
90. Văn xương, Vũ Khúc ư Thân, Mệnh văn vũ khiêm bị
91. Nhị khúc triều viên, phùng Tả, Hữu tương đương chi tài
92. Nhị khúc vượng Cung, oai danh hách dịch
93. Nhị khúc, Tham Lang, Ngọ, Sửu hạn phòng nịch thủy chi ưu (chết đuối).
94. Xương, Khúc giáp Mệnh tối vi kỳ.
95. Xương, Khúc lâm ư Sửu, Mùi thời, phùng Mão, Dậu cận thiên nhanh.
96. Xương, Khúc, Gị, Hợi lâm bất quý, tức đương đại phú.
97. Xương, Khúc cát tinh cư Phúc đức, vị chi ngọc trực thiên.
98. Xương, Khúc hãm Cung, hung sát, Phá, Hư dự chi long.
99. Xương, Khúc hãm ư Thiên thương, Nhan hồi yếu triết.
100. Xương, Khúc Kỷ, Tân, Nhâm sinh nhân, hạn phùng Thìn, Tuất lự (lo) đầu hà.
101. Xương, Khúc, Liêm Trinh ư Ty, Hợi phùng Hình bất thiện, thả hư khoa (khó đỗ đạt).
102. Xương, Khúc, Lộc Tồn do vi kỳ thị.
103. Xương, Phá, Phá Quân lâm Hổ Miêu Sát Dương sung phá bồn ba.
104. Xương, Khúc, Tả, Hữu hội Dương, Đà Dương sinh dị chí.
105. Nữ nhân Xương, Khúc thông minh phú quý, chỉ đa dâm.
106. Vũ khúc miếu viên oai danh hách biến.
107. Vũ, Phủ, Tướng, ngộ Xương, Khúc thông minh cơ sảo định vô cùng.
108. Vũ Khúc, Khôi, Việt cư miếu vượng, tài chức chi quan.
109. Vũ Khúc, Khôi, Biệt cư miếu vượng, tài chức chi quan.

110. Vũ Khúc, Thiên di cự thương cao mãi (buôn bán giàu).
111. Vũ Khúc, Tham Lang, Tài, Trạch vị, hoạch phát tư tài.
112. Vũ Khúc, Liêm Trinh, Tham, Sát cánh tác kinh thương.
113. Vũ Khúc, Tham Lang, gia sát Ky, kỹ nghệ chi nhân (thợ khéo).
114. Vũ Khúc, Phá Quân, phá tổ, phá gia lao碌 (xuất ngoại mở hay).
115. Vũ Khúc, Phá, Trinh ư Mão Địa, Mộc yếm lời kinh. (sét đánh).
116. Vũ Khúc, Kiếp sát hội Kinh Dương, nhân trì đạo (bị giết).
117. Vũ, Khúc, Dương, Đà khiêm Hỏa tú, táng Mệnh nhân tài (bị cướp).
118. Vũ Khúc chi linh vị Quả tú (Sao hiếm con).
119. Tham Lang ngộ Linh, Hỏa, Tứ mộ Cung, hào phú gia từ hầu bá qui.
120. Tham Lang nhập Miếu thọ nguyên thời.
121. Tham Lang hội sát vô cát diệu, đồ tể chi nhân (mổ lợn).
122. Tham Lang, Ty, Ngọ, Mão, Dậu thử thiết cầu dụ chỉ bối, chung thân bất năng hữu vi (nói khoác rút cuộc không làm gì thành việc).
123. Tham Lang gia cát tọa trường sinh thọ khảo vĩnh như Bành Tổ.
124. Tham Lang, Ty, Hợi gia sát, bất vi đồ hộ diệc tào hình.
125. Tham Lang đồng hành văn cảnh biên di thần phục.
126. Tham, Vũ tiền bản nhi hậu phú.
127. Tham, Vũ thân Cung vi hạ cách.
128. Tham Lang gia sát đồng hương, nữ du hương, nhi nam thử thiết.
129. Tham, Vũ tứ sinh, tứ mộ Cung, Phá Quân, Ky, Sát, bách công thông (làm thợ).
130. Tham Lang, Vũ Khúc đồng thủ thân vô cát Mệnh, phản bất trường.
131. Tham, Vũ, Phá quân vô các diệu mê luyện tửu dĩ vong thân.
132. Tham, Nguyệt, Đồng sát hội, Cơ, Lương, tham tài vô yếm tác kinh thương.
133. Tham Lang, Liêm Trinh đồng độ nam đa lãng đãng, nữ đa dâm.
134. Tham ngộ Dương, Đà cư Hợi, Tý, danh vi phiếm thủy đào hoa,
135. Tham Lang, Đà La tại Dần Cung, hiệu viết phong lưu thái kỳ (đi hát thì phong lưu).
136. Nữ Mệnh Tham Lang đa tật đố (hay cãi nhau, ghen tuông),
137. Liêm Trinh, Thân, Mùi Cung vô Sát, phú quý thanh Dương chiếm viễn danh.
138. Liêm Trinh, Mão, Dậu Cung, gia sát; công tư vô diện quan nhân.
139. Liêm Trinh Âm cự tào sử lại Tham phản (người thâm trầm)
140. Liêm Trinh, Tham, Sát, Phá quân phùng Vũ Khúc, Thiên Di tác kỳ nhưng.
141. Liêm Trinh, Thất Sát cư Miếu vượng, phản vi tích phú chi nhân.
142. Liêm Trinh, Phá, Hỏa cư hãm địa tự ải đầu hà (reo sông)
- 142bis. Liêm Trinh, Thất Sát cư Tị, Hợi lưu đảng thiên nhai (lưu lạc).

143. Trọng do oai mãnh Liêm Trinh nhập miếu hội Tướng Quân
144. Liêm Trinh, Tứ sát tào hình lục (bị giết).
145. Liêm Trinh, Bạch Hổ hình trượng nan đào khó tránh tù tội.
146. Liêm Trinh, Phá Sát hội Thiên Di, tử ư ngoại đạo.
147. Liêm Trinh, Dương, Sát cư Quan Lộc, già tảo nan đào (bị trói tù)
148. Liêm Trinh, thanh bạch, cách năng tương thủ (phong lưu trong sạch)
149. Cự, Nhật, Dần Cung lập Mệnh, Thân; tiên khu danh nhi thực lộc (danh tiếng)
150. Cự, Nhật, Mệnh Cung Dần, vị thực lộc trì danh.
151. Cự Môn, Tý, Ngọ, Khoa, Quyền, Lộc, thạch trung ẩn ngọc, phúc hưng long.
152. Cự tại Hợi Cung, Nhật Mệnh tị, thực lộc trì danh.
153. Cự tại Tỵ Cung, Nhật Mệnh Hợi, phản vi bất giai (không tốt)
154. Cự, Nhật củng chiếu diệc vi kỳ.
155. Cự, Cơ, Mão, Ất, Tân, Kỷ, Bính chí công khanh.
156. Cự, Cơ, Dậu thượng hóa cát, giả túng hữu tài quan dã bất chung.
157. Cự Môn, Thìn Cung, Hóa Kỵ, Tân nhân Mệnh ngộ phản vi kỳ.
158. Cự, Cơ, Sửu, Mùi vi hạ cách.
159. Cự Môn, tứ Sát hãm, nhi hung.
160. Cự, Hỏa, Dương, Đà phùng ác diệu, phòng ải tử đầu hà.
161. Cự Hỏa, Linh Tinh phùng ác hạn, tử ư ngoại đạo.
162. Cự tú, Thiên Cơ vi phá đảng.
163. Thất Sát, Dần, Thân, Tý, Ngọ, nhất sinh tước lộc vinh xương.
164. Thất Sát, Phá Quân, chuyên y Dương, Linh chi hự.
165. Thất Sát, Liêm Trinh đồng vị, lộ thượng mai thi (chết đường)
166. Thất Sát, Phá Quân nghi xuất ngoại, chư ban thủ nghệ bất năng tinh.
167. Thất Sát lâm Thân, Mệnh lưu niên Hình, Kỵ, tai thương.
168. Sát lâm tuyệt địa hội Dương, Đà, Nhan Hối yếu triết.
169. Thất Sát trùng phùng Tử Sát; yêu đà, hối khúc, trận chung vong.
170. Thất Sát, Hỏa, Dương bản tả tiêm, đồ tể chi nhân.
171. Thất Sát, Dương, Linh lưu niên Bạch Hổ, Hình lục tai truân.
172. Thất Sát Lưu Dương nhị quan phù, lý hương tảo phối.
173. Thất Sát thủ chiếu, Tuế hạn Kinh Dương Ngọ sinh nhân, Mệnh an Mão, Dậu Cung chủ hưng vong.
174. Thất Sát, trầm ngâm, phúc bất vinh.
175. Thất Sát lâm Thân, chung thị yếu.
176. Thất Sát đơn cư Phúc Đức, nữ nhân thiết kỵ tiện vô nghi.
177. Phá Quân, Tý, Ngọ Cung vô sát, quan tư thanh hiển chí tam công.

178. Phá Quân, Tham Lang phùng Lộc, Mã, nam đa lãng đãng, nữ đa dâm.
179. Phá Quân hãm Cự, Đồng hương, thủy chung tác trác.
180. Phá Quân, Hỏa, Linh bốn ba lao lực.
181. Phá Quân nhất diệu tính nam nhi (tính hồ đồ)
182. Phá, Hao, Dương, Linh. Quan Lộc vị đáo xứ khát cầu.
183. Kinh Dương nhập miếu, phú quý thanh danh.
184. Dương, Hỏa đồng Cung oai quyền yểm chúng
185. Dương, Đà, Linh, Hỏa, thủ thân, Mệnh yêu đà bối khúc chi nhân. (Gù lưng)
186. Kinh, Dương, Tý, Ngọ, Mão, Dậu, phi yếu triết, nhi hình thương.
187. Kinh Dương phùng Lực Sĩ, Lý Quảng nan phong.
188. Dương, Đà, Hỏa, Linh phùng cát phát tài, hung tặc kỵ.
189. Dương, Linh tọa Mệnh, lưu niên Bạch Hổ tai thương.
190. Kinh Dương đối thủ tại Dậu Cung, Tuất tấu Dương, Đà canh Mệnh hung.
191. Dương, Đà giáp Kỵ vi bại cục.
192. Dương Đà lưu niên Linh, phá; diện tự bạn lãng nhất Kinh Dương Hỏa linh vi hạ cách (sa sút nghèo nàn)
193. Kinh Dương trùng phùng lưu Dương, Tây Thi hạn quyền thân.
194. Đà, La, Tị, Hợi Dần, Thân phi yếu triết nhi hình thương.
195. Hỏa, Linh tương ngộ danh chấn chư bang (anh hùng)
196. Hỏa, Linh giáp Mệnh, vi bại cục (xấu hay cản trở)
197. Hỏa, Linh vượng Cung, diệc vi phúc luận.
198. Kinh Dương, Hỏa Linh vi hạ cách (tối kỵ nữ nhân)
199. Khôi, Việt giáp Mệnh vi kỳ cách.
200. Khôi, Việt, Mệnh, Thân đa triết quế.
201. Khôi, Việt, Xương, Khúc, Lộc Tồn phù Hình, Sát vô sung, Thai Phụ quý.
202. Khôi, Việt, trùng phùng Sát, Tuất cố tật vuơ đa (có tật)
203. Khôi, Việt phụ tinh vi phúc, thọ.
204. Tả, Hữu, Văn Xương, vị chí thai phụ. (Làm nên sự nghiệp)
205. Tả, Hữu giáp Mệnh vi quý cách.
206. Hữu Bật, Tả phù trung thần phúc hậu.
207. Tả Hữu đồng Cung ba la y tử (áo tía, ý nói quý cách)
208. Tả, Hữu đơn thủ chiếu Mệnh Cung, ly tôn thứ xuất
209. Tả, Hữu Trinh, Dương tào hình đạo; nhất Tả, Hữu, Xương khúc, phùng Dương, Đà lương sinh ám chí (ngổ ngẩn)
210. Tả, Hữu tài Cung khiêm giáp củng y lộc phong doanh. (phong lưu)
211. Tả, Hữu, Khôi Việt vi phúc thọ.

212. Hữu Bát, Thiên Tướng phúc lai lâm.
213. Lộc Tồn thủ ư Tài, Trạch, tích ngọc đòi kim.
214. Lộc Tồn Tý, Ngọ vi Thiên Di – Thân, Mệnh phùng chi lợi lộc nghi.
215. Song lộc Minh lộc, Âm lộc. Vị chi công khanh
216. Song Lộc trùng phùng chung thân phú quý
217. Lộc phùng sung phá cát dã thành hung.
218. Song Lộc thủ Mệnh, Lã Hậu chuyên quyền
219. Lộc Tồn hậu trọng đa y lộc
220. Lộc, Mã tối hỷ giao tri
221. Thiên Mã tứ sinh thê cung phú quý hoàn đương phong tặng
222. Mã ngộ Không Vong chung thân bôn tẩu
223. Khoa, Quyền, Lộc hợp phú quý song toàn
224. Lộc, Quyền Mệnh phùng khiêm hợp cát, oai quyền yếm chúng, tướng vương triều.
225. Quyền Lộc trùng phùng tài quan song mỹ.
226. Khoa Mệnh, Quyền triều, đăng dung giáp đệ.
227. Hoạt Lộc, Tý, Ngọ vi Thiên Di, Phu tử văn chương quán thế.
228. Khoa, Quyền, Lộc giáp vi quý cách.
229. Quyền, Lộc trùng phùng sát tấu hư dự chi long.
230. Khoa danh hãm ư hung thần miêu nhi bất tú (khoa danh lật đật)
231. Lộc chủ triển ư nịch địa Mệnh bất chủ tài. (Tán tài)
232. Quyền, Lộc thủ Tài, Phúc chi vị, sử thế vinh hoa.
233. Quyền, Lộc cát tinh Nô bộc vị tưng nhiên quan quý đa bôn ba (giàu sang nhưng khó nhọc mới đạt)
234. Kiếp, Không lâm nạn, Sở vương táng quốc lục chu vong.
235. Sinh sử Kiếp, không do như bán thiên triết cánh.
236. Kiếp, Không lâm Tài, Phúc chi hương, sinh lai bần tiện.
237. Thiên thương gia ác diệu, trọng – ni tuyệt lương – Đặng Thông vong.

**Chú giải :**

1. Gia thêm Hình hoặc Kinh Dương thời bình thường.
2. Hoặc nam nhân Tử Vi ở Dần, nữ nhân ở Hợi thời bình thường.
3. Tử, Phủ đắc Phụ, Bát Cung một Cung thêm quý tinh thời chung thân phú quý.
4. Mệnh tại Dần, Thân gặp Tử, Phủ thêm Cát tinh được đại quý.
5. Tử Vi cư Ngọ hoặc Thiên phủ cư Tuất an Mệnh có Hóa Lộc phù, nếu không ngộ sát tinh thời rất tốt.

6. Khoa, Quyền, Lộc tam phương chiếu, vi diện triều đầu cách.
7. Tử Sát là 4 Sao Kinh, Đà, Linh, Hỏa đi tu làm nên tới Hòa Thượng.
8. Tử, Phủ tại Dần, Thân phù cho 6 tuổi Giáp là thượng cách : tuổi Canh là thứ cách : nếu không gặp ác sát tinh.
10. Thêm Tả, Hữu, Lộc tồn mới hay.
11. Vũ không ở Mệnh, nhưng ở Tài bạch hoặc Quan Lộc cũng tốt.
12. Hoặc Cung Thiên di gặp Vũ Khúc thời buôn bán giàu sang.
13. Mệnh cơ, Âm Dần, Thân, thời được Tử, Phủ giáp.
14. Nếu Mệnh tại Ngọ gặp Tử Vi – thời Cung Tử Tức có Thái Dương như vậy sẽ giàu sang và nhiều con cháu.
16. Số như vậy – đường đời phải xoay chiều, tức là phải quyền biến mới đạt được.
17. Tức là Mệnh ở Dần, Thân có Vũ, Tướng – lục hợp có Thái Âm.
18. Cũng tựa như cách số 16 – phải quyền biến mới đạt, miễn hồ đạt được lý tưởng của mình.
19. Nếu kinh doanh, thương nghiệp thời đạt – nói đúng ra thời loạn thì gặp.
20. Cũng tựa như các số 16, 18
24. Dâm là chuyện thường tình, hoặc vất vả về phu thê, hoặc góa sớm – gặp đa quý tinh vẫn phát đạt sang giàu, người thích nghĩ về đạo lý sau khi chán cảnh tình duyên.
25. Nếu thái Dương Hãm Địa, thời trái lại muộn chồng con tơ tình dở dang.
26. Nếu gia thêm Tử sát (Kinh, Đà, Linh, Hỏa) thì xấu, đi buôn thì hay.
29. Mệnh Dần, Thân, Phủ, Tướng tại Tài Bạch Cung có lộc cùng chiếu là thượng cách, ở cách biệt, tức là Lộc không ở cùng với Phủ, Tướng là thứ cách.
33. Chung thân không được toại ý, chỉ nên đi tu là hơn, hoặc bớt tham vọng danh lợi thời yên thân.
34. Nữ Mệnh tuổi Kỷ, Mệnh an Tý.  
Nữ Mệnh tuổi Giáp, Mệnh an Ngọ  
Nữ Mệnh tuổi Canh, Mệnh an Thìn (thượng cách).
35. Nữ Mệnh tuổi Quý, Mệnh an Tý  
Nữ Mệnh tuổi Quý, Mệnh an Dần  
Nữ Mệnh tuổi Giáp, Canh, Quý, Mệnh an Thân (quí cách).  
Nếu Mệnh lập tại Sửu, Mùi, Hợi thời bất quí  
Nếu Mệnh lập tại Tý, Ngọ, Mão, Dậu – ít phúc đức (phú quý không bền).
36. Dâm là một truyện, nếu gia sát tinh thời hạ tiện – Lương ở Ty, Hợi, Thái Âm ở Dần, Thân.
38. Tuổi Đinh, Ty, Quý mới hợp cách.
40. Nếu gặp Khôi, Việt – lại càng hay.

44. Lương tại Dậu, Nguyệt tại Tỵ (người giang hồ lưu lạc).
46. Buôn bán được giàu sang, nếu thêm Hình, Kỵ bình thường.
48. Đồng, Nguyệt thêm sát tinh thì tựa đám cỏ má mọc gốc cau, che sương muối mùa đông cho cau khỏi rụng. Ý nói : số phong lưu đầm ấm, không giàu sang).
49. Tức là đầu đời kiếm, võ cách lừng danh (tốt cho tuổi Bính Thìn và Mậu Thìn).
51. Nữ Mệnh tuổi Tỵ, Mệnh an tại Dần.  
Nữ Mệnh tuổi Tân Mệnh an Mão  
Nữ Mệnh tuổi Đinh Mệnh an Tuất (nhập phú quý cách).  
Nữ Mệnh tuổi Bính và Tân, Mậu an Tỵ, Hợi tuy đẹp nhưng đa tình.
52. Số ông Mạnh Tử, Canh thân 1 – 3 giờ Tỵ, ở Tuất có Cơ, Lương (người cơ mưu thao lược).
53. Vừa giàu sang, vừa có thiện tâm, nếu thêm Hình, Kỵ, tăng đạo thì hay.
54. Cơ, Đồng thủ Mệnh – Bản thân ngộ Sao Không vong.
55. Cơ Đồng thủ Mệnh thêm Thái Dương thời đẹp.
56. Mệnh lập tại Dần, Thân thêm quý tinh thì hay, nếu gặp đa ác sát tinh thì hạ cách.
57. Gặp hung tinh thì bôn ba chết ở thiên hạ.
59. Thiên cơ ở Cung Tỵ, tuổi Dậu gặp, thích chơi bởi, ly tổ.
60. Nữ Mệnh tại Dần, Thân, Mão, Dậu dấu phú quý nhưng không bền. Nếu Mệnh tại Dần, Thân, Cự, Cơ hãm chiếu lên, thời ít phúc đức (giàu sang nhưng không bền).
66. Thái Dương thủ Mệnh hãm bình thường, ư Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ không gặp Sao sát, thời vượng phu ích tử.
71. Tuổi Tỵ – sinh về đêm, thời tốt nhất, không quý thì phú.
72. Âm thì Dần, Thân Ngộ Sao sát, thời dâm bản, làm lẽ, nàng hầu, nhục tham lang, Văn Xương, Văn Khúc ở phu Cung – thì chồng sang.
78. Thủ Mệnh gặp thêm Sao tốt thì hay, nếu nhiều Sao sát thì xấu, dở.
80. Âm gặp Dương, Đa thủ Mệnh, hoặc chiếu thì kém tốt.
81. Tùy theo Âm Dương mà đoán định, thí dụ : Âm ở Tỵ, tuổi Âm đẻ giờ Âm – hợp cách.  
Dương ở Tuất, tuổi Dương đẻ ở giờ Dương, hợp Dương ở Tuất hãm nên ly hương, lập nghiệp chỗ khác thì hay.
83. Dương là cha, Âm là mẹ – Âm Dương ngộ sát tinh tức là cha mẹ không thọ, nhưng vẫn phải nhìn Cung phụ mẫu mà định đoán.
86. Nhật, Nguyệt ở Tật Ách, ngộ sát tinh, Mệnh thêm Sao Không Vong – thời hai mắt hay đau, hoặc có vết sẹo ở hai mắt.
87. Vũ Khúc (Thìn, Tuất, Sửu, Mùi) vượng địa : Mão, Dậu, Tỵ, Hợi vẫn không vượng địa : Thân Mệnh gặp lại thêm Khoa, Quyền, Lộc mới hay.



90. Số Ông Tô Tần, sinh Giáp Thìn 5 – 9 giờ Dần, Thọ 75 tuổi.
91. Vũ Khúc ở Tý, Ngọ, Dậu vượng địa, Vũ Khúc ở Tứ Mộ = mới đẹp.
92. Vũ Khúc ở Tý Cung đệ nhất ; Mão, Dậu Cung đệ nhị Vũ Khúc ở Thìn Cung đệ nhất ; Sửu, Mùi Cung đệ nhị.
94. Mệnh tại Sửu Cung có Vũ Khúc, Cung Dần có Văn Xương.
95. Số Ông Giả – Nghị sinh Quý Mão 10 – 3 giờ Mão – thọ 28 tuổi.
97. Nếu Tử Vi cư Ngọ ở Phúc Đức, ngoại chiếu Khúc Xương là đại đức.
98. Xương, Khúc ngộ Xương, Đà, Không, Kiếp rất xấu, phúc bạc.
99. Mệnh Nhan Hồi Ngọ Dương, Đà, giáp Kỵ, Kiếp, hạn gặp Thất Sát, Dương, Đà lưu niên, hơn nữa Xương, Khúc gặp Dương, Đà tối kỵ và Sao Xương Khúc giáp có Thương Sứ. Nếu Xương, Khúc đi lẫn với Thương, Sứ, thời có học cũng chẳng đạt. Số Nhan Hồi Tân Dậu 20 – 4 giờ Mão thọ 32 tuổi.
100. Hạn gieo mình xuống nước – đề phòng sông nước.
101. Gặp nhiều quý tinh vô ngại, nhưng đường đời cũng lắm chuyện rắc rối.
103. Hạn Phá Quân, Phá Toái, Xương, Khúc ở Dần, Mão ngộ ác tinh phải lưu lạc.
105. Nếu gặp đủ cát tinh thì thông minh phú quý, còn dâm là một chuyện.
106. Tuổi Thìn, Tuất, Sửu, Mùi hợp – nếu Mệnh lại ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi thử cách – tiền bản hậu phú.
107. Vũ Khúc hoặc Thiên Tướng phùng Xương Khúc (ở Tý, Hợi, Vũ phá đồng Cung).
116. Các Sao kể trên : là nhân có tiền mà bị giết.
117. Cũng như cách 116.
118. Sao Vũ Khúc là Sao cô độc, hiếm nếu thêm Hình, Kiếp Sát lật đật phu thê, tức tức (kỵ nữ nhân).
119. Ở Thìn, Tuất thượng cách – Sửu, Mùi thứ cách.
122. Tuổi Thân, Tý, Thìn Mệnh ngồi Tý gặp Tham Lang.  
Tuổi Dần, Ngọ, Tuất, Mệnh ngồi Ngọ gặp Tham Lang.  
Tuổi Hợi, Mão, Mùi Mệnh ngồi Mão gặp Tham Lang.  
Tuổi Tý, Dậu, Sửu Mệnh ngồi Dậu gặp Tham Lang. Đó là cách hợp nhất.
123. Tuổi Dần, Ngọ, Tuất và Hỏa Mệnh, Mệnh ngồi Cung Dần (mộc, Thân, Kim) đó là cách trường thọ thêm Tràn Sinh được phúc thọ.
124. Gia ác sát tinh thì bình thường.
125. Hưởng phúc bất cửu không bền.
126. Tam thập niên về sau mới phát đạt – Tham, Thìn Tuất thủ Mệnh thượng cách – Sửu, Mùi là thứ cách.
127. Tuổi Kỷ gặp thêm Xương, Khúc – Khoa, Quyền, Lộc thượng cách.
128. Tham Lang, Hóa Kỵ thời bản hàn.
130. Mệnh vô cát diệu (không có Sao tốt) Thân hữu Tham, Vũ thì có bản.



131. Tử sắc mà thiệt mạng.
134. Nam Nữ gặp điều phong tình mà hư thân, nếu gặp Sao tốt thì hay.
136. Cũng như cách số 134.
137. Gia ác sát tinh thời bình thường.
140. Gặp Sao tốt đánh giặc giỏi – nếu gặp Sao xấu – đi trộm cướp làm giặc.
141. Nếu Thất Sát cư Ngọ là kỳ cách, nhược hãm địa thời hạ cách.
142. Số Ông Trọng đã làm Thượng Tướng ;  
 Người tuổi Giáp Mệnh an tại Dần hoặc Thân  
 Người tuổi Ất Mệnh an tại Hợi  
 Người tuổi Bính, Mậu an tại Dậu  
 Người tuổi Đinh, Kỷ an tại Dần  
 Người tuổi Canh an tại Tý
144. Liêm, Trinh, Thất Sát, Sửu, Mùi gặp Kiếp, Không, Linh, Hỏa – rất xấu.
145. Hoặc lưu niên, Bạch Hổ gặp Liêm Trinh cũng xấu.
148. Nữ nhân tuổi Giáp, Kỷ, Canh, Quý Mệnh tại Thân, Dậu, Hợi, Tý, Bính, Tân, Ất, Mậu, Dần, Mão, Tỵ, Ngọ – tốt (các tuổi kể trên Mệnh ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi hạ cách – xấu).
150. Tuổi Tân, Quý thượng cách ; Đinh, Kỷ thứ cách : Bính, Mậu đàn ông bình thường.
153. Nhật, Ngọ, Cự, Tuất mới đẹp.
154. – 155. Ngọ Song Hao – Uy quyền chính thế nhưng không bền.
155. Cơ bản đa hữu thọ, cự phú tức yếu vong (không bền).
161. Nữ Mệnh ở Mão, Dậu gặp Cự, Cơ thêm Sao tốt thì phú quý, nhược ngộ sát tinh thời dâm tiện.
164. Sát, Liêm, Sửu, Mùi gặp Hình, Kỵ, Không, Kiếp thời chết đường.
166. Gặp Tử Vi, Thiên, Tướng, Lộc, Tồn, Khó giải được xấu.
168. Thêm Linh, Hoặc kiếp Không, gù lưng hoặc chết trận.
173. Nam nhân hữu oai quyền, nữ nhân cô.
174. Bản Thân ngộ Thất sát xấu, về già nghèo khổ.
175. Tuổi Giáp quý cách, Đinh, Kỷ thứ cách, Bính Mậu không hay, nên đề phòng hình ngục.
178. Thủy chung gian dối, hời hợt nói cười.
181. Các Sao kể trên ở Quan Lộc rất xấu (có khi phải ăn xin).
183. Tuổi Thìn, Tuất là thượng cách, tuổi Sửu, Mùi là thứ cách.
185. Ở Ngọ hung nhất, ở Mão thứ nhì, ở Tý, Dần thứ ba, gọi là Mã đầu đối kiếm, gặp Sao cát đỡ xấu.

186. Tuổi Giáp Mệnh ở Mão, tuổi Bính Mệnh ở Ngọ, tuổi Canh Mệnh ở Dậu, tuổi Nhâm Mệnh ở Tý gặp nhiều Sao tốt bình thường, nếu gặp Sao xấu thì Kinh Dương ở đó tối hung.
188. Mệnh có Sao Kinh, Linh, hạn lưu niên gặp Bạch Hổ tối hung.
189. Tuổi canh Mệnh Dậu có Kinh Dương lưu niên, gặp Kinh Dương tối hung.
190. Thí dụ, Mệnh tại Cung Thân có Kỵ giáp Dương, Đà, không có cát tinh phù là tối hung ... Vì Lộc Tồn phù Kỵ cô bản yếu triết.
192. Tuổi hạn trùng phù, ngộ Dương, Đà, ....
193. Mệnh ngộ Đà La, phải ly tổ mớ hay, tổ nghiệp để lại giữ không bền.
200. Nếu gặp ác sát tinh thì giảm kém.
201. Khôi, Việt gặp Dương, Linh, Không, Kiếp rất xấu.
207. Mệnh vô chính diệu có Tả, Hữu, Tử, Phủ chiếu rất đẹp.
212. Lộc Tồn ở Tài Bạch – Thiên Di, Điền Trạch thì tốt, nếu ở Mệnh không có các tinh phù, thì hóa cô đơn xấu.
213. Mệnh một Lộc, lục hợp một Lộc (Mệnh đầu có Lộc, Cung Hợi Lục hợp có Lộc).
216. Lộc phù Cự Môn, Quả Tú, hoặc Lộc ngộ Kỵ, Kiếp.
217. Số Bà La Hậu giáp Dần 7 – 3 giờ Dần thọ 68 tuổi.
218. Tối kỵ gặp Kinh Dương, Kiếp sát và Triệt Lộ, Linh, Hỏa hãm gặp Đà La thật hay. Mà ngộ Đà khôn ngoan, xảo trá.
219. Tứ sinh là Dần, Thân, Tỵ, Hợi.
- 214b. Số Đức Khổng Tử Canh Tuất 1 – 11 giờ Tý, thọ 73 tuổi.
227. Thí dụ : Dương tại Tuất, Âm tại Mão, Hóa Khoa hãm, hoặc gia thêm Dương, Đà, Không, Kiếp. GIẢI NGHĨA SỐ 220 – Hi Di (Trần Đoàn) tiên sinh viết : Mệnh gặp Mã gọi là Dịch Mã hội Lộc Tồn, Tử, Phủ, Khúc, Xương đại phú quý. Lộc Tồn gặp Mã gọi là Mộc, Mã giao trì, hoặc là Triệt tiên Ma (Ngựa không cần phải roi) Tử, Phủ đồng Cung hội Mã gọi là phù dục Mã (ngựa kéo xe vàng).  
Mã ngộ Hình, Sát gọi là Phù thi Mã (ngựa đội xác trận) Mã ngộ Hỏa tinh gọi là chiến mã (ngựa đi trận), Mã ngộ Nhật, Nguyệt gọi là Thư hùng Mã – Mã gặp Sao Tử Sao Tuyệt gọi là Tử Mã – Mã ngộ Đà La gọi là Triệt túc mã (ngựa què). Mã gặp Triệt, Tuần, Tử, Tuyệt, bất nhâm Mã cư Hợi là Mã cùng đồ. Mã gặp Triệt, Tuần, Tuyệt, bất kỳ ở Cung nào cũng gọi là cùng đồ, ngựa không có đất để thi thố kỳ ở Cung nào cũng gọi là cùng đồ, ngựa không có đất để thi thố tài năng (chỉ sự bôn ba, thăng trầm cuộc thế).
231. Thí dụ : Mệnh tại Hợi, Kiếp tại Tý, không tại Tuất giáp Hình, Kỵ tối độc – Hạn đi tới đó thì phá tài, hình thương.
232. Số ông Hạng Vũ, Đinh Mão 12 – 8 giờ Mão – chết năm Kỷ Mùi, thọ 32 tuổi.
233. Bán thân triết triết, ý nói là nửa tốt nửa xấu, cuộc đời thăng giáng bất thường.

234. Chở nên câu nệ, Kiếp, Không, Kinh, Đà, Song Hao ở Phúc Đức – Tài Bạch mà không gặp chính tinh ở đấy, thời gọi là “Độc thủ” vẫn hiển danh, nhưng không bền thọ.
235. Hạn Đức Khổng Tử đi đến Thiên Lương bị đói khổ.

## TỔNG LUẬN

### MỆNH CUNG

236. Tam giáp Mệnh hung, Lục giáp cát.
237. Mệnh vô chính diệu, nhị duyên sinh.
238. Mệnh phùng cát diệu, tính bách thanh tú dĩ nan điều.
239. Hạn phùng hung diệu, liễu lục đào hồng nhi dị tạ (cây liễu hồng bị mưa gầy thối).
240. Mệnh suy, vận nhược như nộn thảo, nhi tào sương (cỏ non gặp sương muối)
241. Mệnh thực vận sinh như tảo miêu nhi đắc vũ (lúa gặp mưa)
242. Mệnh hữu cát tinh, quan sát trùng tung hữu tài quan dã tân khổ (ác sát nhiều hơn cát tinh, tân khổ cuộc đời)

#### Chú giải :

236. Tam giáp Kiếp, Không, Linh, Hỏa, Dương, Đà, Lục giáp – Tử, Phủ, Tả, Hữu, Khúc, Xương, Khôi, Việt, Khoa, Quyền, Lộc – thấy nhiều hung thời xấu – thấy nhiều cát hơn hung thì tốt.
237. Mệnh không có chính tinh, nhưng được nhiều Sao tốt chiếu, vẫn thọ và giàu sang.
239. Mệnh tuy xấu, nhưng được hạn tố tuần tiến đạt, nếu hạn lại xấu nữa thì tối hung.
240. Mệnh suy, vận cùng tất phải tuyệt Mệnh.
241. Mệnh, Thân bình thường, gặp hạn tốt, khác nào cỏ non gặp mưa.

### THÂN CUNG

243. Tam giáp Thân hung, Lục giáp cát.
244. Thân, Mệnh câu cát, phú quý song toàn.
245. Thân cát, Mệnh hung diệc vi mỹ luận.
246. Mệnh nhược, thân cường tài nguyên bất tụt (hay tán tài)
247. Tham, Vũ thủ Thân, vô cát Mệnh phản bất vi lương.

#### Chú giải :

243. Cũng như câu 236.
245. Thân chỉ 30 năm về sau – được tốt. Về già được thanh nhàn.
247. Tham, Vũ ở bản Thân gặp Sao xấu – đó là cách xấu, về già kém.

**NẠP ÂM**

248. Nạp âm mộ khố khán hà Cung (cần xem cung Mệnh hợp Sao)

249. Sinh phùng bại địa, phát dã hư hoa.

250. Tuyệt sử phùng sinh, hoa nhi bất bại.

**Chú giải :**

248. Như Mệnh Thủy – Cung Mệnh ở Thìn (thổ), vậy cũng giảm hay.

249. Thí dụ : tuổi Giáp Thân (thủy) Mệnh ngồi Tý (thủy) gặp Sao Thất sát là Kim, hợp cách. Nếu Mệnh ngồi Ngọ (hỏa) đó là bất hợp cách (thủy hỏa tương khắc, kim, hỏa tương Cung), dù có phát cũng không bền – tua như cánh hoa sớm nở tối tàn.

250. Mệnh thủy ngồi Tý gặp Địa Kiếp, đó là tuyệt xứ Sao Kiếp, Không (kim) Mệnh là Thủy vậy Kiếp sinh Mệnh (kim sinh thủy) thủy chế bớt hỏa, vậy Kiếp, Không vẫn phát hoạnh như thường (hoa vẫn tươi).

**PHÚ TRẦN ĐOÀN, ĐỊNH TÍNH CHẤT TỐT, XẤU CỦA CÁC VỊ TINH TỬ****TỬ VI NAM NHÂN :**

Tử vi thiên trung đệ nhất tinh

Mệnh, Thân tương ngộ Phúc, Tài hưng

Nhược phùng tướng tá cung chung hội

Phú, quý song toàn bá lệnh danh

Tử vi thủ Mệnh tối vi hương

Nhị sát phùng chi thọ bất trường

Dương, Đà, Hỏa, Linh lai tương hội

Chỉ hảo không môn lễ phạm vương (đi tu)

Tử vi Thìn, Tuất ngộ Phá quân

Phú nhi bất quý hữu vô danh

Nhược phùng Tham Lang tại Mão, Dậu

Vi thần bất nghĩa, bất tương ứng

Hỏa, Linh, Dương, Đà lai tương hội

Thất Sát đồng Cung đa bất quý

Tư nhân cô độc cánh hình thương

Nhược thị không mòn vi cát lợi

**TỬ VI NỮ NHÂN**

Tử vi nữ Mệnh thủ thân cung

Thiên phủ tôn tinh đồng đảo cung  
Cánh đắc cát tinh đồng chủ chiếu  
Kim quan phong tặng phúc thao thao  
Tử vi nữ Mệnh thủ Phu cung  
Tam phương cát củng cánh vi vinh  
Nhược phùng Sát, Phá lai sung phá  
Y lộc doanh dư; dâm sảo dung (đa tình)

### **TỬ VI NHẬP HẠN**

Tu vi viên nôi cát tinh lâm  
Nhi han tướng phùng Phúc, Lộc hung;  
Thường nhân đắc ngộ đa tài phú  
Quan quý phùng chi chức vị thăng  
Tử vi nhập hạn bản vi tướng  
Chỉ khủng (sợ) tam phương Sát, Phá, Tham  
Quan viên giáng (cách chức) hữu kinh thương  
(sợ lo, tang thương)

### **THIÊN CƠ NAM NHÂN**

Cơ, Nguyệt, Thiên Lương hợp Thái Dương  
Thường nhân phú túc chi điền trang  
Quan viên đắc ngộ Khoa, Quyền, Lộc  
Chức vị cao thiên diện Đế Vương  
Thiên Mệnh Hóa Kỵ lạc nhàn cung Sửu Mùi Cơ hãm  
Túng hữu Tài cung diệc bất chung  
Thoái tận gia tài khiếm thọ yếu  
Phiêu phùng tăng đạo trú sơn trang  
(lánh đi tu thì hay)

### **THIÊN CƠ NỮ NHÂN**

Thiên Cơ nữ Mệnh cát tinh phù Tác sự phù trì quá trượng phu  
Quyền Lộc cung trung phùng thủ chiếu  
Vinh phu hảo Mệnh, quý như hà  
Thiên Cơ tinh dữ (cùng) Thái Âm đồng  
Nữ Mệnh phùng chi tất sảo dung  
Y lộc phong nhiêu chung bất mỹ

Vi xương (con hát) vi thiếp (làm lẽ) chủ dâm phong

### **THIÊN CƠ NHẬP HẠN**

Nam nữ nhị hạn trực Thiên Cơ  
Lộc chủ Khoa, Quyền đại hữu vi  
Xuất nhập kinh doanh đa ngộ quý  
Phát tài, Phát phúc, thiển nhân tri?  
Thiên Cơ chiếu hạn bất an ninh  
Gia sự phân phân ngoại sự đa  
Cánh ngộ Dương, Đà tinh Cự ám  
Tu trí thử tuế nhập Nam Kha (hạn chết)

### **THÁI DƯƠNG NAM NHÂN**

Mệnh lý Dương phùng Phúc, Thọ năng (nhiều phúc)  
Cánh kiêm Quyền, Lộc lưỡng tương phùng  
Khôi, Xương tả, Hữu lai tương tấu  
Phú quý song toàn tử Thạch Sùng  
Nhật, Nguyệt Sửu, Mùi Mệnh trùng phùng,  
Tam phương vô hóa phúc tuy phong;  
Cánh hữu cát tinh vô bất Mỹ  
Nhược phùng sát tấu nhất sinh cùng  
Thất hãm Thái Dương cư phản bối  
Hóa kỵ phùng chi đa tặc muội (mờ ám)  
Hựu tào hoành sự phá gia tài  
Mệnh cường Hóa Lộc dã vô hại

### **THÁI DƯƠNG NỮ MỆNH**

Thái Dương chính chiếu phụ nhân Thân  
Bà mạo thù thường tính cách trinh;  
Cánh đắc cát tinh đồng thủ chiếu,  
Kim quan phong tặng tác phu nhân.  
Thái Dương an Mệnh hữu kỳ năng,  
Hãm địa tu phòng yếu sát lãng  
Tác sự trầm ngâm đa tiến thoái  
Tân cần độ nhật miễn gia khuynh  
Thái Dương phản chiếu chủ tâm mang (rối trí)

Y lộc bình thường thọ bất trường  
Khắc quá lương nhân (chồng) hoàn khắc tử (khắc con)  
Chỉ nghi ẩm hạ tác biên phòng (làm lẽ)  
Nhị hạn biên nghi kết, Thái Dương,  
Thiên tài, tiến nghiệp, Phúc phi thường;  
Hôn nhân hòa hợp, thêm tư tục  
(lấy vợ lấy chồng, sinh con cái)  
Sĩ giả (quan chức) cao thiên tọa miếu đường  
Thái Dương thủ hạn hữu đa bạn,  
Hãm địa tu phòng ác sát sâm;  
Gia kỵ phùng hung đa cách trệ.  
Hoành cự, phá tài, gia lệnh đênh.

### **VŨ KHÚC NAM NHÂN**

Vũ Khúc thủ Mệnh phá vi quyền,  
Cát chiếu lai lâm. Phúc, Thọ toàn  
Chí khí tranh vanh đa xuất chúng  
Siêu phạm nhập thánh, hưởng nhân tiền  
(lỗi lạc hơn người)  
Vũ khúc chi tinh thủ Mệnh cung,  
Cát tinh thủ chiếu thủy xương vinh  
Nhược gia Hao, Sát lai xung phá  
Nhiệm thị tài đa, tất cánh không (không bền của)

### **VŨ KHÚC NỮ MỆNH**

Nữ nhân Vũ Khúc Mệnh trung phùng,  
Thiên Phủ gia chi, trí khí hùng;  
Tả, Hữu, Lộc lai tương phùng tụ;  
Song toàn phú, quý mỹ vô cùng,  
Tướng tinh nhất tú tối cương cường,  
Nữ Mệnh phùng chi tinh dị thường;  
Y lộc thao thao chung hữu phá,  
Bất nhiên thọ, yếu chủ hưng vong.

### **VŨ KHÚC NHẬP HẠN**

Đại, tiểu hạn phùng Vũ Khúc tinh

Nhược hoàn nhập miếu chủ tài hưng  
 Cánh gia Văn, Xương lâm Tả, Hữu.  
 Phúc, Lộc song toàn đắc xương tâm.  
 Vũ Khúc lâm hạn Hóa quyền tinh,  
 Tối lợi cầu môi (hỏi vợ) sự hữu thành;  
 Cánh ngộ cát tinh đồng hội hợp  
 Văn nhân danh hiển, thứ nhân hưng.  
 Vũ Khúc chi tinh chủ quan nhân.  
 Công lai (làm việc văn) phùng chi hình trượng lai (hình ngục);  
 Thường thứ (người thường dân) phùng chi hoàn vụ trái (vụ hại)  
 Quan viên trực thử hữu kính hoài (sợ hãi)  
 Thiên đồng tọa Mệnh tính ôn lương  
 Phúc lộc du du thọ cánh trường  
 Nhược thi phúc nhân cư miếu vượng  
 Định giao thực lộc dự truyền Dương  
 Thiên Đồng nhược dữ cát tinh phùng  
 Tính cách thông minh bách sự thông;  
 Nam tử định nhiên thực thiên lộc.  
 Nữ nhân tạc thử, trú phòng trung.  
 Thiên Đồng thủ Mệnh lạc nhàn Cung  
 (Thìn, Tuất, Sửu, Mùi)  
 Hỏa, Đà, Sát hợp cánh vi hung;  
 Thiên Cơ Lương, Nguyệt lai tương hội  
 Chỉ hảo không môn (đi tu) độ tuổi trung.

### **THIÊN ĐỒNG NỮ NHÂN**

Thiên Đồng thủ Mệnh phụ nhân thân,  
 Tính cách thông minh linh lạc nhân,  
 Xương, Khúc cánh hoa tương hội xứ.  
 Du du tài lộc tự nhiên thân (tự trời cho).  
 Thiên Đồng nhược dữ Thái Âm đồng.  
 Nữ Mệnh phùng chi, dâm sảo dung.  
 Y lộc tuy phong chung bất mỹ  
 Biên phòng tự thiếp du nhân thông.

### **THIÊN ĐỒNG NHẬP HẠN**



Nhân sinh nhị hạn trị Thiên Đồng  
Hỷ khí doanh môn vạn sự vinh.  
Tài lộc tăng thêm nghi sáng tạo,  
Tòng kim gia đạo đắc phong long.  
Lưu niên nhị hạn trị Thiên Đồng  
Hãm Địa du phòng ác sát xâm.  
Tác sự mỹ trung, chung bất mỹ.  
Duy phòng quan phá, cập gia khuynh.

### **LIÊM TRINH NAM NHÂN**

Liêm trinh thủ Mệnh diệc phi thường.  
Phú tính nguy nguy chí khí cường;  
Cách cố (đổi cũ) đỉnh tân (thay mới) quan đại quý.  
Vi quan danh hiển tính danh hương.  
Bình sinh hà dĩ đắc thung dung.  
Liêm Trinh, Tị, Hợi hiệu nhân cung,  
Bần phá Kinh Dương, Hỏa cánh trung.  
Túng hữu Tài cung vi bất mỹ  
Nữ nhân Thân, Mệnh trị Liêm Trinh.  
Nội chính thanh liêm cách cục tân.  
Chư cát cùng chiếu vô Sát phá,  
Định giao phong tặng tại thanh xuân.  
Liêm Trinh, Tham, Phá, Khúc tương phù.  
Đà, Hỏa giao gia cực tiện dung (tính cách đề hèn);  
Định chủ hình phu tính khắc tử (khắc chồng con)  
Chỉ bảo không phòng, xướng tùy dung  
(xướng kỹ hoặc lẽ mọn).

### **LIÊM TRINH NHẬP HẠN**

Liêm trinh nhập hạn vượng cung lâm,  
Hỷ phù cát chiếu phúc bình chân (con ngựa quý)  
Tài vật tự nhiên đa súc tích.  
Sĩ nhân đắc ý vị cao thăng.  
Đại, Tiểu nhị hạn ngộ Liêm Trinh  
Cánh hữu, Thiên hình, Ky, Sát xâm.  
Nùng huyết, hình tai đảo bất đắc.

Phá Quân, Tham, Sát phó u–minh (tuyệt Mệnh)

### THIÊN PHỦ NAM NHÂN

Thiên Phủ chi tinh thủ Mệnh cung  
 Gia chi Quyền, Lộc hỷ tương phùng.  
 Khôi, Xương, tả, Hữu lai tương hội.  
 Phụ phượng bạt long (cưỡi phượng rồng)  
 thượng cửu trùng.  
 Hỏa, Linh, Dương, Đà tam phương hội.  
 Vi nhân gian trá đa lao lực;  
 Không, Kiếp đồng viên bất vi giai (đẹp).  
 Chỉ tại Không Môn dã hạnh phúc.

### THIÊN PHỦ NỮ NHÂN

Nữ nhân Thiên Phủ Mệnh, Thân cung,  
 Tính cách thông minh hoa dạng dung;  
 Cánh đắc Tử vi tam hợp chiếu.  
 Kim quan chấn bộ thụ hoàng phong.  
 Hỏa, Linh, Dương, Đà lai tương hội,  
 Tính cách dung thường đa hối trệ  
 (tính nết hay thay đổi)  
 Lục thân (cha mẹ, chồng con, anh em)  
 tương bối tử nan chiêu (khó gặp).  
 Chỉ bảo Không–môn vi ni (đi tu) kế.

### THIÊN PHỦ NHẬP HẠN

Hạn lâm Thiên Phủ năng tị lộc  
 Sĩ thứ phùng chi đa phát phúc.  
 Thiềm tài tiến hỷ vĩnh vô tai.  
 Thả dã nhuận Thân, tinh nhuận ốc  
 (cửa nhà vui tươi).  
 Nam đấu tôn tinh nhập hạn lai,  
 Sở vi mưu sự sống tâm hoài;  
 Nhược hoàn hựu Hóa, Khoa, Quyền, Lộc.  
 Chỉ nhật (càng ngày) hỷ nhiên triển đại tài.

**THÁI ÂM NAM MỆNH**

Thái Âm nguyên nhị thủy chi tinh,  
Thân, Mệnh phùng chi, Phúc tự sinh.  
Dậu, Tuất, Hợi viên vi đắc địa,  
Quang huy dương hiển tính danh hanh.  
Thái Âm nhập miếu hóa quyền tinh.  
Thanh tú thông minh đẳng luân;  
Bẩm tính ôn lương cung kiêm nhượng.  
Vi quan thanh hiển liệt triều thân.  
Dần thượng, Cơ, Xương, Khúc, Nguyệt phùng.  
Tòng nhiên cát củng bất phong long.  
Nam vi bộc, tòng nữ vi nô (làm đầy tớ)  
Gia sát sung phá, đáo lão cùng. (1)  
Thái Âm hãm địa ác tính trung.  
Đà, Hỏa tương phùng định khốn cùng;  
Thử Mệnh chỉ nghi Tăng dữ Đạo.  
Không–môn xuất nhập đắc thông dong.

**THÁI ÂM NỮ MỆNH**

Nguyệt hội đồng Dương tại Mệnh Cung  
Tam phương các củng tất doanh phong  
Bất kiên cung sát lai xâm hội.  
Phú quý song toàn bảo đáo trung.  
Thái Âm hãm tại Mệnh tri Thân  
Bất hỷ tam phương ác sát xâm.  
Khắc bại phu quân hựu yếu thọ.  
Cánh hư huyết khí thiếu tinh thần.

**THÁI ÂM HẠN**

Thái Âm tinh chiếu hạn trung phùng.  
Tài lộc phong doanh bách sự thông;  
Gia thú thân nghênh thêm tự tục (lấy vợ tìm giòng giống)  
Thường nhân đắc thử vượng môn phong.  
Nhị hạn biên nghi kiến Thái Âm.  
Thịêm tiến tài ốc, Phúc phi khinh  
(phúc không phải là nhỏ);

Hỏa, Linh nhược đã lai tương tấu,  
 Vị miễn quan tai, bệnh hoan lâm.  
 Hạn chí Thái Âm cư phản bối.  
 Bất hỷ Dương, Đà tam sát hội.  
 Hỏa, Linh nhị hạn tối vi hung.  
 Nhược bất quan tai, đa phá hối.

### THAM LANG NAM NHÂN

Tứ mộ cung trung phúc khí nùng,  
 Đề binh chỉ nhập lập biên công.  
 Hỏa tinh củng hội thành vi quý,  
 Danh chấn chư di định hữu phong (võ công).  
 Tham lang thủ Mệnh Đồng Dương (Kình Dương) cung,  
 Đà, Sát giao gia tất khốn cùng,  
 Vũ, Phá, Liêm Trinh, đồng Sát, Kiếp,  
 Bách nghệ phòng thân độ tuế trung (làm công nghệ).  
 Tứ mộ Tham Lang miếu vượng cung,  
 Gia lâm Tả, Hữu phú tài ông;  
 Nhược nhiên tái Hóa Khoa, Quyền, Lộc.  
 Văn vũ tài năng hiển đại công.

### THAM LANG NỮ MỆNH

Tứ mộ Cung trung đa cát lợi,  
 Cánh phùng Tả, Hữu phương vi quý  
 Lộc tài phong phú vượng phu quân.  
 Tính ách cương cường đa chí khí.  
 Tham Lang hãm địc nữ phi tường  
 Y lộc tuy phong, đã bất lương  
 Khắc hại lương nhân, tinh nam nữ  
 Hựu giao cổn trầm (đệm gối) thủ cô xương (cô quả góa)

### THAM LANG NHẬP HẠN

Bắc Đẩu Tham Lang nhập hạn lai,  
 Nhược hoàn nhập miếu sự hỏa giai;  
 Khoa, Quyền sĩ lộ đa thành tựu (thi cử đỗ đạt)  
 Tất chủ đương nhiên phát hoạch tài.

Tham Lang chủ hạn tứ mộ (Thìn, Tuất, Sửu, Mùi) lâm,  
Cánh hỷ nhân sinh tứ mộ sinh  
(tuổi Thìn, Tuất, Sửu, Mùi);  
Nhược kiến Hỏa tinh đá hoạnh phát.  
Tự nhiên phú quý quán hương lân.  
Hạn chí Tham Lang hãm bất lương,  
Chỉ nghi tiết dục (phần uất) tức tai thương,  
Chữ đăng phong lưu, khứ (bỏ) tài bảo.  
Cát diệu tam phương khả miễn tai.  
Nữ hạn Tham Lang sự bất lương,  
Nghi hoàn lục giáp (6 tuổi giáp) oan tai nạn.  
Nhược dữ cát diệu lai tương hội,  
Tu tri nhất Mệnh nhập tuyền hương (chết).

### **CỰ MÔN NAM NHÂN**

Cự môn Tý, Ngọ nhị Cung phùng,  
Cục trung đắc ngộ dĩ vi vinh,  
Tam hợp hóa cát Khoa, Quyền, Lộc,  
Quan cao cực phẩm, y tử bảo.  
Thử tinh hóa ám bất nghi phùng,  
Cánh hội hung tinh dữ tử hung,  
Thần sĩ (môi răng) hữu thương kiêm tính mãnh,  
Nhược nhiên nhập miếu khả hòa bình.  
Cự môn thủ Mệnh ngộ Kinh Dương,  
Linh, Hỏa phùng chi sự bất tường,  
Vi nhân tính cấp đa điên đảo,  
Bách sự mang mang loạn chủ trưởng.

### **CỰ MÔN NỮ MỆNH**

Cự Môn vượng địa đa sinh cát  
Tả, Hữu gia lâm thọ cánh trường,  
Nữ nhân đắc thử thành vi quý,  
Kiêm quyển (cuốn rèm) trên châu,  
Tọa tú phỏng (ý nói giàu sang).  
Cự môn Mệnh hãm chủ dâm xương (dâm, góa)  
Thị nữ, biên phòng (vợ lẽ) thủy miễn ương,

Tướng mạo thanh kỳ đa cận long,  
Bất nhiên thọ yếu chủ hung vong.

### **CỰ MÔN NHẬP HẠN**

Cự Môn chủ hạn hóa quyền tinh  
Tối hỷ cấu mưu đại sự thành  
Tuy hữu quan tai tinh khẩu thiệt,  
Hung vi cát triệu đắc an ninh.  
Cự môn nhập hạn động nhân bi.  
Nhược ngộ Tang Môn sự bất chu,  
Sĩ thứ phùng chi đa nặc tụng (vu khống).  
Cự quan thất chức (mất chức vị) hoặc đình ưu  
Cự Môn hạm ám tối quai trưởng,  
Vô sự quan phi náo nhất trường,  
Khốc khắp tang liên trung bất miễn (tang thương).  
Phá tài, khu khí, thụ thê lương (buồn thảm).

### **THIÊN TƯỚNG NAM MỆNH**

Thiên Tướng tinh mai nhất đẳng luân,  
Chiếu, Thủ, Thân, Mệnh hỷ vô ngần  
Vi quan tất chủ cư nguyên tể  
Tam hợp tương phùng phúc bất khinh.  
Thiên Tướng các tinh vi Mệnh chủ  
Tất định tư nhân đa khắc kỷ  
Tài quan lộc chủ vượng gia tư  
Quyển yểm đương thời thủy bất mỹ  
Thiên Tướng chi tinh Phá, Vũ, Đồng.  
Dương, Đà, Hỏa, Linh cánh vi hung,  
Hoặc tác kỹ thuật, kinh thương bối,  
Nhược tại Không môn hưởng phúc long.

### **THIÊN TƯỚNG NỮ MỆNH**

Nữ nhân chi Mệnh Thiên Tướng tinh  
Tính cách thông minh bách sự ninh  
Y lộc phong doanh, tài bạc túc,  
Vượng phu ích tử, hiển môn đình

Phá quân, Thất sát lai tướng ngộ  
 Hạng Dương, Đà, Hỏa, Linh tối sở kỵ,  
 Cô hình khắc hại lục thân vô  
 (không cha mẹ, chồng con, anh em)  
 Chỉ khả biên phòng dữ thị tỳ (lễ mọn, con đòi)  
 Thiên Tướng chi tinh quả chủ tài  
 Chiếu lâm nhị hạn tất vô tai  
 Động tắc mưu vi giai toại ý  
 Ưu du hưởng phúc tự nhiên lai  
 Thiên Tướng chi binh hữu kỷ ban,  
 Tam phương bất hỷ ác tinh triền,  
 Dương, Đà, Không Kiếp trùng tướng hội  
 Khẩu thiệt quan tai họa diệc liên  
 Hạn lâm Thiên Tướng ngộ Kinh Dương  
 Tác họa dư ương bất khả đương,  
 Cánh hữu Hỏa, Linh chư sát tấu,  
 Tu giao nhất Mệnh (Mệnh một)  
 Nhập tuyền hương (chết)

### **THIÊN LƯƠNG NAM MỆNH**

Thiên lương chi diệu số trung cường,  
 Hình thần ẩn trọng tính ôn lương  
 (hiền hòa, liêm thanh)  
 Tả, Hữu, Khúc, Xương lai hợp hợp,  
 Quả giao phú quý liệt triều cương,  
 Thiên lương tinh tú thọ tinh phùng,  
 Cơ, Nhật, Văn Xương, Tả, Hữu đồng,  
 Tý, Ngọ, Dần, Thân vi nhập miếu  
 Quan tư thanh hiển chí tam công  
 Thiên lương ngộ Hỏa lục nhân Cung (Ty, Hợi)  
 Đà, Sát trùng phùng cách thị hung.  
 Cô, Hình đái tật, phá gia tài.  
 Không môn, kỹ nghệ khả quan công,  
 Thìn, Tuất, Cơ, Lương phi tiểu phụ,  
 Phá quân Mão, Dậu bất vi lương  
 Nữ nhân đắc tử vi cô độc

Khắc tử, hình phu, thủ lãnh phòng (cô đơn, góa).

### THIÊN LƯƠNG NHẬP HẠN

Thiên lương hóa ẩm cát tinh hòa  
Nhị hạn phùng chi họa tất đa  
Nhược gia cát diệu phùng miếu địa,  
Quý cực nhất phẩm, bổ (vá, phụ) sơn hà.  
Hạn chí Thiên lương tối thị lương,  
Do như thu cúc (hoa cúc mùa thu)  
Thổ hình (thơm) hương  
Gia quan tiến chức, nghênh tân lộc,  
Thưởng thứ phùng chi dã túc hương (đủ ăn)  
Thiên lương thụ hạn thọ diên trường,  
Tác sự cầu mưu cánh cát xương,  
Nhược ngộ Hỏa, Linh, Dương, Đà hợp  
Tu phòng nhất ách dĩ gia vong.

### THẤT SÁT NAM MỆNH

Thất sát, Dần, Thân, Tý, Ngọ Cung  
Tây đi củng thủ phục anh hùng  
(ý nói : rợ Tây đi cũng phải hàng)  
Khôi, Việt, tả, hữu, Văn Xương hội  
Khoa, Lộc danh cao thực vạn chung (ăn một văn học lương)  
Cư hãm địa bất kham ngôn,  
Hung họa do như bọn hổ lang,  
Nhược thị sát cường vô chế phục,  
Thiếu niên ác tử tại hoàng tuyền,  
Thất sát tọa Mệnh lạc nhàn Cung (Sử, Mùi)  
Cự, Tú, Dương, Đà cánh chiếu sung,  
Nhược bất thương chi (chân tay tàn tật, da tổn cốt),  
Không môn tăng đạo khả hưng long.

### THẤT SÁT NỮ MỆNH

Nữ Mệnh sầu phùng Thất sát tinh  
Bình sinh tác sự quả thông minh  
Khí cao chí đại vô nam nữ



Bất miễn hình phu, lịch (từng trải khổ tâm)  
Thất sát cô tình Tham tú phùng  
Hỏa, Đà tấu hợp phi vi quý,  
Nữ nhân đắc thử tính bất lương,  
Chỉ hảo thiên phòng (lẽ mọn) vi tiện tỳ.

### THẤT SÁT NHẬP HẠN

Nhi hạn tuy nhiên phùng Thất Sát  
Thung dung hòa hoãn gia đạo phát,  
Đối Cung Thiên phủ chính lai triều,  
Sĩ hoạn phùng chi danh hiển đạt,  
Thất Sát chi tinh chủ thu lang (lạnh lẽo)  
Tác sự gian nan, hiện thất (mất cửa, tán tài)  
Cánh gia cát diệu tại hạn trung  
Chủ hữu quan tai, đa bệnh tật

### PHÁ QUÂN NAM MỆNH

Phá Quân, Thất Sát, dữ Tham Lang  
Nhập miếu anh hùng bất khả đương,  
Quan vũ Mệnh phùng vi thượng tướng  
Thứ nhân phúc tức ký điền trang  
Phá Quân, Tý, Ngọ hội Văn Xương  
Tả, Hữu song song nhập miếu  
Tài Bạch phong doanh đa khẳng khái  
Lộc quan chiêu trứ (thêu dệt) tá quân vương.  
Phá Quân nhất diệu tối quyền đương,  
Hóa, Lộc, Khoa, Quyền hỷ dị thường  
Nhược hoàn hãm địa nhưng gia sát,  
Phá tổ, ly tôn, xuất viễn hương.  
Phá Quân bất hỷ tại Thân Cung,  
Liên Trinh, Hỏa, Dương, Đà hội hung  
Bất kiến thương tàn, định thọ yếu,  
Chỉ nghi tăng đạo độ bình sinh.

### PHÁ QUÂN NỮ MỆNH

Phá Quân, Tý, Ngọ vi nhập miếu

Nữ Mệnh phùng chi Phúc, Thọ xương  
 Tính cách hữu năng biên (vô cùng) xuất chúng,  
 Vượng phu ích tử tính danh hương.  
 Phá quân nữ Mệnh bất nghi phùng,  
 Kinh Dương gia hãm cánh vi hung,  
 Khắc hại lương nhân (sát chồng) phi nhất thứ,  
 Tu giao bi khốc, độ triền hôn.

### PHÁ QUÂN NHẬP HẠN

Phá Quân nhập hạn yếu suy tường,  
 Miếu, Địa phương tri Phúc, Lộc, Xương,  
 Cánh ngộ Văn Xương đồng Khôi, Việt  
 Hạn lâm thử địa cực phong quang  
 Phá Quân nhập hạn yếu suy tường  
 Miếu địa vô hung thiếu tổn thương,  
 Sát tấu Phá quân phòng phá Hao (song Hao)  
 Cánh phòng thê tử tự thân vong.  
 Phá Quân chủ hạn đa nùng huyết  
 Thất thoát quai trường, bất khả thuyết,  
 Cánh trị nữ nhân chủ hiếu phục  
 Huyết quang sản nạn, tai ương tiết.

### VĂN XƯƠNG NAM MỆNH

Văn Xương nam Mệnh vượng Cung lâm,  
 Chí đại tài cao để (đáy) vạn kim,  
 Văn nghệ tinh hoa tâm tráng đại,  
 Tu giao bình bộ thượng thanh vân,  
 Văn xương thủ Mệnh diệc phi thường,  
 Hạn bất yếu thương Phúc, Thọ trường,  
 Chỉ phạ (sợ) hạn xung phùng Hỏa, Kỵ  
 Tu giao yếu triết đối hình thương.

### VĂN XƯƠNG NỮ MỆNH

Nữ nhân Thân, Mệnh trực Văn Xương  
 Tú lệ thanh kỳ Phúc cánh trường,  
 Tử, Phủ đối xung tam hợp chiếu

Quản giao phú quý trừ hà thường  
Văn Xương nữ Mệnh ngộ Liêm Quân,  
Hãm Địa, Kinh Dương, Hỏa, Ky tinh,  
Nhược bất vi xương (góa) chung thọ yếu  
Biên phòng (vợ lẽ) do đắc chủ nhân khinh

### VĂN XƯƠNG NHẬP HẠN

Văn Xương chi tinh tối vi thanh,  
Đầu số chi trung đệ nhị tinh,  
Nhược ngộ Thái Tuế dữ nhị hạn,  
Sĩ nhân trực thử chiếu khoa danh,  
Hạn ngộ Văn Xương bất đắc địa, Cánh hữu Dương, Đà, Hỏa, Linh, Ky.  
Quan phi khẩu thiệt phá qua tài,  
Vị miễn hình thương, đa hối trệ.

### VĂN KHÚC NAM MỆNH

Văn Khúc thủ Mệnh tối vi lương,  
Tướng mạo đường đường chí khí ngang,  
Sĩ thứ phùng chi ứng Phúc hậu,  
Trượng phu đắc thử thụ kim chương,  
Văn Khúc thủ viên phùng Hỏa, Ky,  
Bất hỷ tam phương ác sát tỵ,  
Thử nhân tuy sảo khẩu năng ngôn,  
Tuy tại không môn khả ngộ quý.

### VĂN KHÚC NỮ MỆNH

Nữ nhân Mệnh lý phùng Văn Khúc  
Tướng mạo thanh kỳ đa hữu phúc  
Thông minh lanh lợi bất tầm thường  
Hữu sát, biên phòng, dã dâm dục

### VĂN KHÚC NHẬP HẠN

Nhị hạn tương phùng Văn Khúc tinh,  
Sĩ thứ kỳ niên tu phát phúc,  
Cánh thêm Tả, Hữu hội Thiên Đồng,  
Tài Lộc thao thao vi thượng cục

Văn Khúc hạn ngộ Liêm, Đà, Dương,  
Hãm Địa phi tai ý họa ương,  
Cánh kiêm Mệnh lý tinh thần nhược,  
Tả tri thử tuế nhập tuyền hương.

### **TẢ PHÙ NAM MỆNH**

Tả Phù ôn tính năng giáng phúc,  
Phong lưu huân hậu thông kim cổ,  
Tử, Phủ, Lộc, Quyền, Tham, Vũ hội,  
Văn quan, vũ chức, đa thanh quý.  
Dương, Đà, Hỏa, Linh tam phương chiếu  
Tòng hữu tài Cung, phi cát triệu  
Liêm Trinh, Phá, Cự cánh lai sung  
Nhược bất thương tàn chung thị yếu

### **TẢ PHÙ NỮ MỆNH**

Nữ phùng Tả Phù chủ hiền hảo  
Năng cán, năng vi, hựu khí cao,  
Cánh dữ Tử Vi, Thiên phủ hợp  
Kim quan phong tặng quá thao thao  
Hỏa, Đà tương bất vi lương  
Thất Sát, Phá Quân thọ bất trường  
Chủ khả biên phòng phương phú túc,  
Thông minh đắc sủng quá thời quang.

### **TẢ PHÙ NHẬP HẠN**

Tả Phù hạn hành phúc khí thâm (xấu)  
Thương nhân phú túc lũy thiên kim  
Quan viên cánh đắc Khoa, Quyền chiếu  
Chức vị cao di tá Thánh quân,  
Tả phủ chi tinh nhập hạn lại.  
Bất nghi sát tấu chủ bi ai,  
Hỏa, Linh, Không Kiếp lai tương xấu  
Tài phá nhân vong, sự sự suy.

### **HỮU BẬT NAM MỆNH**

Hữu Bát, Thiên cơ thương tế tinh,  
Mệnh phùng trọng hậu tối thông minh,  
Nhược vô Hỏa, Ky, Dương, Đà Hội,  
Gia cát tài quan, quán thế nhân,  
Hữu Bát tôn tinh nhập Mệnh Cung,  
Nhược hoàn sát tấu chủ thường dong,  
Dương, Đà, Không Kiếp tam phương tấu,  
Tu tri đái tật oán tai hung.

### **HỮU BÁT NHẬP HẠN**

Hữu Bát nhập hạn tối vi vinh,  
Nhân tài hưng vượng tất đa năng,  
Quan viên hiện chưởng tăng đạo hỷ,  
Sở tử công tư tất hiển vinh,  
Hữu Bát chủ hạn ngộ hung tinh,  
Tảo tận (quét sạch) nghĩa tư bách bất thành,  
Sĩ tào, thương bại, nô khi chủ (đầy tớ lừa dối)  
Cách giao gia phá chủ lệnh đênh

### **LỘC TỒN NAM MỆNH**

Nhân sinh nhược ngộ Lộc Tồn tinh,  
Tử, Phủ gia lâm bách sự ninh,  
Cánh ngộ Đồng, Trinh tương tấu hợp  
Tất nguyên chủ định thị phu nhân,  
Lộc Tồn nhập Mệnh hãm Cung lai,  
Không, Kiếp, Linh, Hỏa tất vị lai,  
Nhược vô cát diệu lai tương tấu,  
Phu thê phân ly, vĩnh bất hài.

### **LỘC TỒN NHẬP HẠN**

Lộc Tồn chủ hạn tối vi lương,  
Tác sự cầu mưu tận cát tường,  
Sĩ lộc phùng chi đa chuyển chức  
Thử nhân ngộ thử định tiền lương  
Lộc Tồn chủ hạn thọ diên trường,  
Tác sự doanh mưu vạn sự sường,

Cánh, Hữu, Khoa, Quyền kiêm Tả, Hữu  
 Định tri thử hạn phú sương sương (kho đạn)  
 Lộc Tồn, Lộc chủ đa phú túc  
 Hôn nhân giá thú thêm tự lục (thêm giòong giống)  
 Cánh khiêm Khoa, Lộc hựu đồng Cung  
 Tất chủ vinh hoa hưởng hạnh phúc  
 Lộc Tồn giao trì hạn bộ phùng  
 Tối phạ Kiếp, Không tương ngộ đồng,  
 Cánh kiêm Thái Tuế ác tinh xung,  
 Hạn đáo kỳ niên, nhập mộ trung  
 Khôi, Việt nhập Mệnh và Hạn  
 Khôi, Việt Mệnh, Thân hạn ngộ Xương  
 Thường nhân đắc thử túc tiến lương  
 Quan viên ngộ thử cao thiên chưởng (tay cầm quyền)  
 Tất định đương niên diện Đế Vương.

### KÌNH DƯƠNG NAM MỆNH

Lộc tiền nhất vị an Kinh Dương  
 Thượng tướng phùng chi Phúc, Lộc gia  
 Cánh đắc quý nhân tương thủ chiếu,  
 Binh quyền vạn lý tráng hoàng gia  
 Kinh Dương thủ Mệnh tính cương cường  
 Tứ mộ sinh nhân Phúc, Thọ trường (1)  
 Nhược đắc Tử, Phủ lai hội hợp  
 Tu tri tài cốt phú xương xương,  
 Kinh Dương nhất diệu lạc nhàn Cung  
 (Tý, Ngọ, Mão, Dậu)  
 Đà, Hỏa sung hê tiện thị hung,  
 Cánh nhược Thân, Mệnh đồng Kiếp sát.  
 Định nhiên yếu tuyệt tại đồ chung (chết đường)  
**Chú giải** : (1). Tuổi Thìn, Tuất, Sửu, Mùi, Mệnh lại an 4 Cung này thì rất tốt.

### KÌNH DƯƠNG NỮ MỆNH

Kinh Dương thủ hạn tể suy tường,  
 Tứ mộ sinh nhân miễn họa ương  
 Nhược ngộ Tử Vi, Xương, Phủ hội

Tài Cung hiển đạt phúc du trường  
 Thiên La, Địa Võng ngộ Kinh Dương  
 Nhị hạn xung hê họa hoạn nhưng (ý nói tai họa như giặc)  
 Nhược thị Mệnh chung chủ tinh nhược,  
 Định giao nhất tật mộng hoàng lương (phú quý không bền)  
 Kinh Dương gia sát tối vi hung,  
 Nhị hạn lưu giao lạc hãm cùng,  
 Khắc tử, hình phu, mãi điền ốc,  
 Đồ lưu (tù toi) phiếm phối khứ tòng nhưng (bỏ chồng)

### **ĐÀ LA NAM MỆNH**

Đà La Mệnh nội tọa trung Tồn, Mệnh Đà, Thân, Kinh,  
 (gọi là Bá Lộc cách)  
 Cánh hỷ nhân sinh tứ mộ chung,  
 Tái đắc Tử Vi, Xương, Phủ hợp  
 Tài lộc phong danh viễn bá danh  
 Đà La tại hãm bất kham văn (khó nghe, khó chịu)  
 Khẩu thiệt, quan phi nhất thế xâm  
 Tài tán, nhân ly nhập cô độc,  
 Sở vi, sở tác bất như tâm (bất toại ý)

### **ĐÀ LA NỮ MỆNH**

Đà La nhất diện nữ nhân phùng  
 Ngộ cát gia lâm, dâm đảng dung  
 Hung sát tam phương tương chiếu phá,  
 Tu phòng tương biệt chủ nhân ông (ý nói bỏ chồng).

### **ĐÀ LA NHẬP HẠN**

Hạn ngộ Đà La sự diệc đa,  
 Tất nhiên nhĩn nại yếu khiêm hòa (mọi sự phải ôn hòa)  
 Nhược vô cát chiếu đồng tương hội,  
 Tu giao nhất mộng nhập nam kha (hạn chết). Giáp  
 Thân, Giáp Mệnh hữu Đà, Dương  
 Hỏa, Linh, Không, Kiếp hựu lai thương,  
 Thiên lộc bất phùng sinh vượng địa,  
 Hình thê, khắc tử, bất vi lương (vất vả vợ con)

**HỎA TINH NHẬP HẠN**

Hỏa tinh đắc địa hạn Cung phòng,  
Hỷ khí doanh môn bách sự thông,  
Thường nhân đắc thử tài phong long,  
Hỏa tinh nhất tú (ngôi Sao) tối quai chương (hung dữ)  
Vô sự quan tai náo nhất trường,  
Khắc hại lục thân ưng bất miễn (1)  
Phá tài gian khổ, miễn huy hoàng

**Chú giải** : (1) Lục thân – cha mẹ, anh em, vợ con – ý nói Linh, Hỏa hãm ở Mệnh, thời người ấy đối với lục thân đều vất vả, cơ khổ.

**LINH TINH NHẬP HẠN**

Hạn chí linh tinh sự nhược hà,  
Tham Lang tướng Phúc hoàn đa,  
Cánh gia nhập miếu phùng chư cát,  
Phú quý thanh danh xứ xứ ca  
Linh tinh nhất tú bất khả Dương,  
Thủ lâm nhị hạn tất điên cuồng,  
Nhược vô cát diệu lai tương chiếu,  
Vị miễn chiêu tai, nặc họa ương.

**HỎA LINH NAM MỆNH**

Hỏa, Linh nhị chiếu cư miếu địa,  
Tham Lang, Tử, Phủ nghi tương hội,  
Vi nhân tính cấp, hữu uy quyền,  
Chất yểm hương bang chung hữu quý (oai quyền lừng lẫy)  
Hỏa, Linh tại Mệnh lạc nhàn Cung (2)  
Tây, Bắc sinh nhân tác sự dong,  
Phá hoại gia tài chung bất cứu (không bền)  
Tu giao đới tật, miễn tai hung.

**Chú giải** : (2) Tuổi Dần, Ngọ, Tuất – Hỏa cũng phải ở 3 Cung này – mới đẹp.

Thân, Tý, Thìn – Hỏa ở ba Cung này – rất xấu.

Ty, Dậu, Sửu – Hỏa cũng ở ba Cung này – bình thường.

Hợi, Mão, Mùi – Hỏa ở Cung Mão, Mùi – rất tốt.

**Tóm lại** : Tối kỵ ở Hợi, Tý là thủy Cung, rất xấu.



Tối kỵ ở Thân, Dậu là Kim Cung, xấu vừa.

### **HỎA LINH NỮ MỆNH**

Hỏa Linh chi tính nhập Mệnh lại  
Tham Lang tướng hội đắc hỏa giai,  
Tam phương vô sát chư ban mỹ,  
Tọa tử hươu văn đắc tọai hoài.  
Hỏa, Linh nhị diệu tối nan đương,  
Nữ Mệnh đơn phùng tất chủ thương,  
Nhược ngộ tam phương gia sát tấu,  
Tu phòng mục hạ (mù) nhập tuyền hương.

### **HỎA LINH NHẬP HẠN**

Hỏa, chiếu nhị tinh sự nhược hà  
Tham Lang tướng hội phúc hoàn đa,  
Cánh gia cát diệu, đa quyền bính,  
Phú quý thanh danh xứ xứ ca  
Hỏa, Linh hạn hãm huyết nùng xâm (bệnh về máu)  
Tâm thường thất thoát bất khả tâm,  
Khẩu thiệt quan tai, ứng bất miễn,  
Tu phòng vô vọng họa lai xâm.

### **ĐỊA KIẾP NAM NHÂN**

Địa kiếp tông lai sinh phát tật,  
Mệnh chung tướng ngộ đa thu tức (khó thở)  
Nhược ngộ Dương, Hỏa tại kỷ trung,  
Tân khổ trì dung phòng nội không (hay khổ tâm).

### **ĐỊA KIẾP NHẬP HẠN**

Kiếp tinh nhị hạn ngộ tướng phùng,  
Vị miễn đương niên vô họa nguy,  
Thái Tuế, sát lâm đa tật ách,  
Quan phù tinh ngộ hữu quan phù (quan tụng)

### **THIÊN KHÔNG NHẬP MỆNH**

Mệnh tọa Thiên Không, định xuất gia

Văn Xương, Thiên Tướng thực tham Khoa (1)

Nhược phùng tứ sát Đồng, Thân, Mệnh,

Thụ ấ, thừa vinh, Phúc khả giai

**Chú giải** : (1) Sao Thiên Tướng “không sợ” Không, Kiếp, Kinh, Đà và Thiên Không.  
Tử Vi – Thiên Phủ “Mối sợ” tứ sát tinh này.

### THIÊN KHÔNG NHẬP HẠN

Không vong nhập hạn phá điền tào,

Thê, Tử tu phòng hữu tổn thương,

Tài bạch bất duy, đa bại thất

Cánh ưu thọ Mệnh, nhập tuyền hương

Kiếp, Không đồng nhập hạn

Cực (Tử Vi) cư Mão, Dậu, Kiếp, Không lâm

Vi tăng, vi đạo, Phúc hưng long

Lạc hưởng sơn lâm hữu sự hiệu,

Phúc, Thọ xong toàn đáo cổ linh

Kiếp, Không nhị hạn tối quai trường,

Phu Tử (Đức Khổng) tại trần đã tuyệt lương (bị đối)

Hạng Vũ anh hùng tăng táng quốc,

Lộc châu phùng thử trụ lâu vong (ngã chết).

### THIÊN THƯƠNG, THIÊN SỬ NHẬP HẠN (1)

Thiên hao thủ hạn, hiệu thiên thương,

Phu Tử tại trần đã tuyệt lương,

Thiên sử hạn lâm, nhân công ky (ai ai cũng ghét)

Thạch sùng hào phú, phá gia vong

**Chú giải** : (1) Thiên thương gọi là “hư hao thần”

Thiên xứ gọi là “truyền xứ thần”

Hai Sao này chủ tác họa, nhưng ở nơi hãm mới xấu, tác họa dữ dội.

Thiên thương : Ngọ, Mùi, Thìn, Tý, Mão hãm

Thiên sử : Mão, Dậu, Tuất, Sửu, Thìn hãm

Sáu tuổi Giáp : gặp Thương hoặc sứ ở Dần xấu

Sáu tuổi Canh : gặp Thương hoặc sứ ở Thân xấu

Sáu tuổi Bính : gặp Thương hoặc sứ ở Tỵ xấu

Tất cả các tuổi gặp thương hoặc sứ ở Hợi bình thường.

**THIÊN MÃ NHẬP HẠN**

Thiên Mã lâm hạn tối vi lương  
Tử, Phủ, Lộc Tôn ngộ phi thường,  
Quan hạn phùng chi ứng hiển đạt,  
Sĩ nhân ngộ thử phó (đến) khoa trường,  
Thiên Mã thủ hạn bất đắc trú,  
Hựu phạt Kiếp, Không lai tương ngộ,  
Cánh kiem Thái Tuế tọa Cung trung,  
Hạn đáo kỳ nhân tầm tử lộ (chết đường).

**HÓA LỘC NHẬP MỆNH**

Thập thiên hóa lộc tối vi vinh,  
Nam Mệnh phùng chi Phúc tự Thân,  
Vũ chức hiển danh biên tấc thượng,  
Văn nhân danh dự mãn triều đường,  
Lộc chủ Thiên Đồng ngộ Thái Dương  
Thường nhân đại phú túc điền trang,  
Tư tài, lục súc giai (điều) ninh vượng,  
Phàm hữu thi vi tận cát tường.

**HÓA LỘC NHẬP HẠN**

Hạn trung nhược ngộ Phúc lai lâm,  
Tước vị cao thiên tá thanh minh,  
Thường thử tương phùng Dương đại quý,  
Tự nhiên sắc tích quảng kim ngân.

**HÓA QUYỀN NAM MỆNH**

Quyền tinh tối hỷ các tinh phù,  
Sự nghiệp hiên ngang đởm khí sung,  
Cánh trị Cự môn kiem Vũ diệu (Vũ Khúc)  
Tam biên, chấn thủ trưởng binh phù

**QUYỀN TINH NỮ MỆNH**

Thử tinh chủ hạn hỷ phi thường,  
Quan Lộc cao thăng tá đế vương,  
Tài bạch phong thêm nghi sáng nghiệp  
Phòng kim gia đạo BẢO AN KHANG

Quyền tinh thử ngộ Vũ, Tham Lâm.  
 Tác sự cầu mưu tận đắc thành  
 Sĩ tử danh cao, kiêm Phúc, Lộc,  
 Thứ nhân đắc thử, tích kim ngân,  
 Hóa Quyền cát diệu hỷ tương phù,  
 Cánh cát gia lâm y lộc phong,  
 Phú quý song toàn, nhân tính ngạnh (tính bướng)  
 Đoạt phu, quyền bính Phúc hưng long.

### KHOA TINH NAM MỆNH

Khoa tinh, Văn tú, tối vi kỳ,  
 Bao tàng miêu tú, mỹ văn chương  
 Nhất được vũ môn long biến hóa  
 Quấn giáo thanh đạt dự triều đường,  
 Khoa tinh nhập Mệnh khởi tâm thường,  
 Miên tú tài hoa cảm miếu hương,  
 Cánh ngộ Khúc, Xương, Khôi việt tú,  
 Long môn nhất diệu tính danh Dươg

### KHOA TINH NỮ MỆNH

Hóa Khoa nữ Mệnh thị lương tinh,  
 Tứ đức kiêm toàn, tính cách thanh,  
 Cánh ngộ cát tinh Quyền, Lộc tấu  
 Phu vinh, tử quý tác phu nhân.

### KHOA TINH NHẬP HẠN

Khoa tinh nhị hạn ngộ Văn Xương  
 Sĩ tử phùng chi tính danh hương,  
 Tăng đạo, thứ nhân đa phú quý,  
 Bách mưu bách toại sự anh Dươg.

### HÓA KỶ NAM MỆNH

Chư tinh Hóa Kỵ bất nghi phùng  
 Cánh hội hung inh, dũng tinh hung  
 Nhược đắc cát tinh, lai trợ cứu  
 Túg nhiên bất quý tất phong long

Tham Lang, Phá Quân cư Hãm Địa,  
Ngộ cát Hoá Kỵ chung bất lợi  
Nam vi đạo tặc, nữ dâm xương  
Gia sát chiếu Mệnh vô miên thụy.

### HÓA KỶ NỮ MỆNH

Nữ nhân Hóa Kỵ bản phi kỳ  
Cánh ngộ hung tinh, thị Hóa Kỵ  
Thực gian truân, bần tiện thậm  
Cát tinh tấu hợp giảm tai nguy

### HÓA KỶ NHẬP HẠN

Kỵ tinh nhập miếu phản vi giai (đẹp)  
Túng hữu quan tai diệc bất thường,  
Nhất tiến, nhất thoái danh bất toại  
Cánh thiêm ngộ cát bảo an khang  
Nhị hạn Không trung kiến Kỵ tinh  
Chí tai vi họa tất gia khuynh  
Vi quan thoái chức, thiêm hư đạo  
Sử sát tu phòng, cấm trượng hinh  
Kỵ tinh lạc hãm tại nhân Cung  
Ác sát gia lâm tác họa hung  
Tài tán nhân ly đa tật khổ  
Thương quan thoái chức, hiếu trùng phùng (1)  
**Chú giải** : (1) Lộc hội Lộc Tồn phú quý  
Quyền hội Cự, Vũ anh Dương  
Khoa hội Khôi, Việt quý hiển  
Kỵ hội Thân Mệnh chiếu thị phi  
Tý Cung Lộc, Quyền hãm – Kỵ tinh không hung  
Sử Cung Khoa, Quyền, Lộc bình – Kỵ tinh không hung  
Dần Cung Khoa, Quyền, Lộc bình – Kỵ tinh không đẹp  
Mão Cung Khoa, Quyền, Lộc bình – Kỵ đắc địa  
Thìn Cung Khoa, Lộc bình – Kỵ tinh không hung (vô dụng)  
Tỵ Cung Khoa, Lộc bình – Kỵ tinh hung  
Ngọ Cung Khoa tốt – Lộc bình – Quyền, Kỵ bình thường  
Mùi Cung Khoa, Quyền bình – Kỵ không hung (vô dụng)

Thân Cung Khoa, Lộc tốt – Quyền, Kỵ bình thường

Dậu Cung Khoa, Lộc bình – Quyền, Kỵ bình

Tuất Cung Khoa, Quyền, Lộc, Kỵ – bình thường

Hợi Cung Hóa Kỵ không tốt.

**Chú ý :** Các cách trên đây theo sách Tàu : nhưng không nên câu nệ “đắc, hãm”. Nên chú trọng về “được việc” hoặc “không được việc”. Thí dụ : Quyền cư Tý hãm, nhưng Quan Lộc ở đó là “được việc”, nếu giải ách ở đó là “không được việc” hoặc Khoa, Quyền, Lộc đắc địa mà gặp ác sát tinh như Kiếp, Không, Linh, Hỏa, Tuần, Triệt cũng giảm hay.

### LUẬN KHOA, QUYỀN, LỘC

Lộc hữu đối diện tại Thiên Di,

Tý, Ngọ phùng chi lợi lộc nghi,

Đức hợp các nhường nhân kính trọng,

Song toàn phú quý phúc hi kỳ.

Lộc, Quyền Chu Bội Mệnh trung phùng (1)

Nhập tướng vương triều tán thành công,

Nghênh hợp quyền tinh kiêm cát diệu,

Nguy nguy phú quý liệt tam công,

**Chú giải :** (1) Số Chu Bội, Đinh Tỵ 12 – 1 giờ Dần thọ 69 tuổi.

### LUẬN TẢ, HỮU

Thiên tinh Tả, Hữu tối cao ninh

Nhược tại tam phương lộc vi hưng,

Vũ chức cao tăng ứng hiển tá

Văn nhân danh cử liệt công khanh

### LUẬN VĂN, VŨ CÁCH

(Văn Khúc, Vũ Khúc nhập Mệnh)

Cách danh Văn, Vũ thiếu nhân tri,

Ngộ thử tu giao bách sự thông,

Cánh trị Mệnh Cung vô Sát, Phá

Thao thao vinh hiển thị anh hùng (2)

**Ghi chú :** (2) Số Quan Công, Canh Tuất 8 – 3 giờ Tý, thọ 48 tuổi.

### LUẬN VĂN TINH TRIỀU MỆNH CÁCH

Văn Xương, Văn Khúc tối vinh hoa,

Trì thử tu tri phú quý gia,  
Cánh đắc tam – phương tường chiếu củng,  
Khước như cảm thượng hựu thêm hoa

### **LUẬN THẠCH TRUNG ẨN NGỌC CÁCH**

Cự Môn Tý, Ngọ nhị Cung phùng,  
Thân, Mệnh phùng chi tất quý vinh,  
Cách đắc tam phương khoa lộc củng,  
Thạch trung ẩn ngọc thị phong long

### **LUẬN THAM LANG NGỘ HỎA**

Hỏa ngộ Tham Lang chiếu Mệnh Cung,  
Phong hầu thực độc thị anh hùng  
Tam phương thượng nhược vô hung sát  
Đáo lão ứng chi Phúc, Thọ long

### **LUẬN THƯƠNG MẠI, CÔNG NGHỆ, NÔNG NGHIỆP, CHI MỆNH**

Tham, Nguyệt, Đồng, Sát hội Cơ Lương  
Nhân tài kế lợi tác kinh thương,  
Tu tri mộ dạng vô miên thụ,  
Hỗ hải doanh doanh tự tẩu mang (kinh doanh to tát).  
Kinh thương Tử, Phủ ngộ Kinh Dương  
Vũ Khúc, Thiên Di lợi thị trường,  
Sát, Phá, Liêm Trinh đồng Tả, Hữu  
Dương, Linh, Hỏa tú viễn truyền dương (buôn bán to)  
Nhàn Cung (Hợi) Tham Lang hà sinh nghiệp (1)  
Bất thị đồ nhân (mỏ lợn) tu đỉnh thiết (lò rèn)  
Chư ban sảo nghệ cánh năng tinh,  
Tinh hiếu du điền (cày ruộng) tinh hộ liệt (đi săn bắn).  
Phá, Vũ, Mùi Cung đa sảo nghệ  
Ty, Hợi an Mệnh chính tương nghi  
Phá Quân, Liêm Trinh cư Mão, Dậu  
Tế Sao tình nhân định nghệ kỳ  
Thiên Cơ, Thiên Tướng Mệnh, Thân trung  
Đế định tài tinh nhập mộ Cung (Thìn, Tuất, Sửu, Mùi)  
Thiên Phủ nhược cư thiên động vị,

Bình sinh động vị tác kỳ công.

**Chú giải** : (1) Nếu gặp nhiều Sao quý, làm thợ rồi cũng có ngày làm ông chủ thợ.

### LUẬN XUẤT GIA TĂNG ĐẠO CHI MỆNH (1)

Cực (Tử Vi) cư Mão, Dậu ngộ Kiếp, Không

Thập phân chi Mệnh cứu nhân tăng,

Đạo thích, nham tuyền giai hữu phận,

Thanh nhân, u tính độ bình sinh.

Mệnh tọa Không hương định xuất gia (Mệnh ngộ Không Vong)

Văn tinh tương hội thực Tham, Khoa

Nhược hoàn Văn Khúc lâm Thân, Mệnh

Thụ ấm thanh nhân Phúc khả gia

Thiên cơ, Thất sát, Phá, Liêm đồng

Vũ Khúc tăng lưu Mệnh sở phùng

Cánh nhược Thái Dương kiêm Đế tọa,

Lênh đênh cô khắc Mệnh phương trung

**Chú giải** : (2) Dầu chẳng phát tóc vào ở chùa, nhưng là người yếm thế, hoặc thích nghiên cứu hoặc thuật, tâm tính thích tĩnh nhàn.

### LUẬN THỌ YẾU DÂM ĐĂNG

Tham Lang nhập miếu tối cao cường (1)

Nam cực tinh đồng thọ Mệnh trường,

Bắc Đẩu đế tinh vô ác sát

Miên miên lão tận diên sinh tường

Thất sát lâm thân chung thị yếu

Tham Lang nhập miếu định vi xương (góa)

Tiền thị tam hợp tương lâm chiếu

Giã học, hàn cư khí thiết hương – Ý nói : cô đơn, lạnh lẽo

Thân, Mệnh lưỡng Cung câu hữu sát

Tham hoa, biến tửu, họa do thâm,

Bình sinh nhị hạn lai phù hội

Đắc ý chi trung khước hựu trầm

### LUẬN ĐỊNH NHÂN TÀN TẬT (2)

Mệnh Cung Dương, Đà, Sát, Thủ, Thân



Hỏa, Linh tọa chiếu Phúc vi khinh (Phúc bạc)

Bình sinh nhược bất thường viên ngoại

Dã tắc, Đà yêu, khúc bối nhân (gù lưng)

**Chú giải** : (2) Số Quý Hợi 24 – 10 giờ Thìn – 1946 (Bính Tuất) bị đạn cụt chân.

### (1) NAM ĐẤU

Thiên Cơ (mộc)

Thiên Đồng (thủy, kim)

Thiên Tướng (thủy)

Thiên Lương (thổ, mộc)

Thất Sát (hỏa kim)

Âm tuế ứng trước

5 năm 5 tháng

### BẮC ĐẤU

Liêm Trinh (hỏa)

Vũ Khúc (kim)

Tham Lang (mộc)

Cự Môn (thủy)

Phá Quân (thủy)

Dương tuế ứng trước

5 năm 5 tháng

### NAM VÀ BẮC ĐẤU TINH

Tử Vi (thổ)

Thiên Phủ (thổ, thủy)

Thái Dương (hỏa)

Thái Âm (thủy)

Lộc Tồn (thổ, kim)

### LUẬN ĐỊNH NHÂN PHÁ TƯỚNG

Tướng mạo chi trung phùng Sát chiếu

Cánh gia tam hợp hựu phùng Hình,

Tật Ách, Kinh Dương phùng Hao sứ

Triết thương chi cốt (gãy, què) bất hòa bình

### LUẬN ĐỊNH NHÂN THÔNG MINH

Văn Khúc, Thiên Tướng, Phá quân tinh,

Kế sách biên dai, tính cách linh,

Cánh nhược tam phương Xương, Khúc hội,

Nhất sinh sảo nghệ, hiệu thanh danh

### LUẬN ĐỊNH NHÂN PHÚ TÚC

Thái Âm nhập miếu hữu quang huy

Tài nhập, tài hương phân ngoại kỳ

Phá, Hao hung tinh giai bất phạm  
Đôi kim, tích ngọc phú hào nhi

**LUẬN ĐỊNH NHÂN BẮN TIỀN**

Mệnh chung cách chiếu bất lai sâm  
Hỏa, Ky, Dương, Đà tứ chính sâm  
Vũ Khúc, Liêm Trinh, Cự, Phá hội  
Nhất sinh bạo nộ, hựu thân bản

**LUẬN ĐỊNH NHÂN TÁC ĐẠO TẶC (trộm cướp)**

Mệnh phùng Phá, Hao dữ Tham, Trinh  
Thất sát tam phương chiếu cập Thân  
Vũ Khúc cánh cư thiên động vị (ở không phải chỗ hãm)  
Nhất sinh diện bối kích lương tâm,

**LUẬN ĐỊNH NHÂN, NHẤT THÂN (cô đơn)**

Cát chiếu tương phu, hung chiếu lâm  
Bách ban sảo nghệ, bất thông hanh  
Nhược phùng Thân, Mệnh ngộ ác chiếu  
Chỉ tổ đồ ngư, tể mã nhân (đồ tể, mổ thịt)

**NHẬP NHỊ CUNG CHI TINH ĐẮC ĐỊA HỢP CÁCH  
TÝ AN MỆNH**

Tý Cung Tham Lang, Sát, Âm tinh  
Cự, Lương tương củng Phúc hưng long,  
Canh, Tân, Ất, Quý tức phong vinh

**SỬU AN MỆNH**

Sửu Cung lập Mệnh, Nhật, Nguyệt chiếu  
Bính, Mậu sinh nhân Phúc, Lộc nhiều (nhiều),  
Chính tọa bình thường trung cục luận,  
Đối chiếu phú quý, họa giai tiêu (họa đều tiêu tán)

**DẦN AN MỆNH**

Dần Cung Cự, Nhật tức phong long  
Thất Sát, Thiên lương bách sự thông,  
Giáp, Kỷ, Canh, nhân giai vi cát,

Nam tử vi quan, nữ thụ phong.

**MÃO AN MỆNH**

Mão Cung Cơ, Cự, Vũ Khúc phùng

Tân, Ất sinh nhân Phúc khí long,

Nam tử vi đương ma lẫm lộc

Nữ nhân hưởng Phúc, phụ bao phong.

**THÌN AN MỆNH**

Thìn vị Cơ, Lương tọa Mệnh Cung

Thiên Phủ, Tuất Địa, tối doanh phong,

Yêu kim y tử chân vinh hiển,

Phú hoa quý diệu trị đáo chung.

**TÝ AN MỆNH**

Tý vị Thiên Cơ, Thiên Tướng lâm,

Tử, Phủ triều viên Phúc cánh thâm,

Mậu, Tân, Nhâm, Bính, giai vi quý,

Nhất sinh thuận toại thiểm tai tâm (ít tai nạn)

**NGỌ AN MỆNH**

Ngọ Cung Tử, Phù, Thái Dương đồng

Cơ, Lương, Phá, Sát, hỷ tương phùng

Giáp, Đinh, Kỷ, Quý, sinh nhân Phúc

Nhất thế phong quang lẫm lộc phong

**MÙI AN MỆNH**

Mùi Cung Tử, Vũ Liêm – trinh Đồng

Nhật, Nguyệt, Cự môn hỷ tương phùng

Nữ nhân trị thử toàn Phúc thọ

Nam tử phùng nhị vị tam công

**THÂN AN MỆNH**

Thân Cung Tử đế, Trinh, Lương đồng

Vũ Khúc, Cự Môn, Hỷ tương phùng

Giáp Canh, Quý nhân nư đắc kỷ

Nhất sinh phú quý, sinh anh hùng

**DẬU AN MỆNH**

Dậu Cung tối hỷ Thái Âm phùng,

Cự, Nhật hựu phùng đương diện sang,

Tân, Ất sinh nhân vi quý cách,

Nhất sinh Phúc, Lộc vĩnh hanh thông.

### **TUẤT AN MỆNH**

Tuất Cung Tử Vi đối sung Thìn,

Phú nhi bất quý hữu vô danh,

Cánh gia cát diệu đa quyền lộc,

Chỉ lợi quan trường mậu dị nhân (ý nói : khó mua được hạng người ấy)

### **HỢI AN MỆNH**

Hội Cung tối hỷ Thái Âm phùng

Nhược nhân trị thử Phúc, Lộc long,

Nam nữ phùng chi giai toại ý

Phú quý vinh hoa trực đáo chung (ý nói : giàu sang suốt đời).

### **THẬP NHỊ CUNG CHỦ TINH THẤT HÂM, PHÁ CÁCH**

#### **TÝ, SỬU AN MỆNH**

Tý, Ngọ, Thiên cơ, Sửu, Cự, Linh

Hử tinh lạc hãm quá vi chân,

Túng nhiên hóa cát cánh vi mỹ

Nhiên địa phú quý bất thanh minh (1)

**Chú giải** : (1) Các cách trên tuy gọi là hãm, nhưng Quyền, Lộc và đa quý tinh danh vang, phú quý, nhưng cuộc đời phải lên xuống thất thường.

#### **DẬU AN MỆNH**

Dần thượng Cơ, Xương, Phúc, Nguyệt phùng

Tuy nhiên cát củng bất phong long,

Nam vi bạn bộc, nữ xướng tỳ

Nhược phi yếu triết, tức bản cùng,

#### **MÃO, THÌN AN MỆNH**

Mão thượng Thái Âm, Kinh Dương phùng

Thìn Cung cự hỷ, Tử Vi, Đồng

Tuy nhiên hóa cát, phi hoàn mỹ

Nhược phi gia Sát, đáo đầu hung

#### **Từ AN MỆNH**

Tỵ Cung, Vũ, Nguyệt, Thiên Lương, cự

Tham tú, Liêm Trinh cộng đào riêu (rắn = Cung Tỵ)

Tam phương cát diệu giai bất qui

Hạ tiện bản cùng độ tuế hoa

**NGỌ AN MỆNH**

Ngọ Cung Tham, cự, Nguyệt, Xương tòng  
Dương nhân (Kình Dương) tam hợp tối hiểm sâm,  
Tuy nhiên hóa cát cự vi lo,  
Hoạnh phát, hoạnh thành, đáo lao cùng.

**MÙI AN MỆNH**

Mùi Cung cự tú Thái Dương hiểm,  
Túng thiếu, tai nguy hữu khắc, thương,  
Lao lực, bốn ba quan sư chi,  
Tùy diên hạ tiện độ thời quan.

**THÂN DẬU AN MỆNH**

Thân Cung Co, Cự vi phá cách  
Nam nhân lãng đãng, nữ nhân bản  
Nhị Cung nhược chiếu đào hoa kiến  
Nam nữ phùng hci tổng bất vinh

**TUẤT AN MỆNH**

Tuất thương Tử, Phá nhược tương phùng  
Thiên Đồng, Thái Dương giai (đều) chủ hung,  
Nhược hoàn cô quả cánh yếu triết,  
Tùy duyên bản khổ, miễn bản cùng.

**HỢI AN MỆNH**

Hội Cung Tham, Hỏa, Thiên Lương Đồng,  
Phiên đàng, lãng tử, tổng tây đông,  
Nhược hoàn phú quý đa niên hóa,  
Bất nhiên hệ bực dữ bản cùng.

**ĐỊNH PHÚ CỤC****TÀI ẤM, GIÁP ẤN**

Mệnh Tài, Điền gặp Thiên Tướng, Thiên Lương, Vũ Khúc hoặc chiếu và giáp có Quốc Ấn.

Thí dụ : Tuổi Kỷ, Sửu, Mệnh, Tài, Điền cư Sửu gặp Thiên Lương, tức là Cung Sửu giáp Tướng, Ấn. (Ấm = tên tục của Sao Thiên Lương).

**NHẬT, NGUYỆT GIÁP TÀI**

Cung Tài ở Sửu, Mùi giáp có Thái Dương, Thái Âm và Bản Thân cũng ở đây là tối quý.

Mệnh ở Sửu, tuổi Nhâm, Ất là thượng cách.

Mệnh ở Sửu, tuổi Bính, Mậu, Tân thượng cách.

**TÀI LỘC GIÁP MÃ**

Thiên Mã ngộ Đà La thủ Mệnh, giáp Lộc Tồn và Vũ Khúc, tối quý (Mệnh cư Dần, Thân, Ty, Hợi).

Phú đoán – Mã ngộ Đà, khôn ngoan xảo trá.

### **ẤM, ẤN CUNG THÂN**

Mệnh hoặc Thân, hoặc Điền, Tài gặp Lương và Quốc Ấn.

Thí dụ : tuổi Canh : Mệnh, Thân, Tài, Điền lập tại Cung Tý gặp Thiên Lương, Tướng Quân.

Vậy cũng đó là : Lương, Tướng tọa (ngôi), Quốc Ấn ở Thìn chiếu xuống. Hoặc Mệnh, Thân, Tài, Điền ở Cung Thìn, thời Lương, Tướng ở Cung Tý chiếu lên phù cho Quốc Ấn.

### **NHẬT NGUYỆT CHIẾU BÍCH**

Cung Điền trạch ở Tứ Mộ (Thìn, Tuất, Sửu, Mùi) có Sao Âm, Dương tọa chiếu.

### **KIM LÃNG QUANG HUY**

Thái Dương cư Ngọ thủ Mệnh hoặc Tài.

### **ĐỊNH QUÝ CỤC**

#### **NHẬT, NGUYỆT GIÁP MỆNH**

Mệnh an tại Sửu, Mùi giáp Âm, Dương nhưng phải có Quyền, Lộc, Xương, Khúc phủ chiếu mới đẹp.

#### **NHẬT XUẤT PHÙ TANG**

Thái Dương tại Mão, an Mệnh và Quan Lộc tối quý – nhưng đừng vướng phải sát tinh và Không Vong.

**Nguyệt lạc Hợi Cung** hoặc gọi là **nguyệt lãng thiên môn** Mệnh, Quan, Tài tại Hợi gặp Thái Âm.

**Nguyệt sinh sương hải** (gặp sương mặt trăng mù ngoài biển) Điền trạch tại Tý gặp Âm, Đồng.

**Phù, Bát củng chủ** – Tử Vi thủ Mệnh, gặp Tả, Hữu giáp hoặc chiếu.

**Quân, Thân khánh hội** – Tử Vi thủ Mệnh gặp Tả, Hữu, Phượng, Long.

**Tài, Ấn giáp Lộc** – Hóa Lộc thủ Mệnh, Lương, Tướng giáp (Tướng, Quan) hoặc Tài Cung có cách này.

**Lộc, Mã bội Ấn** (đeo ấn, tức là Lộc, Mã, Tướng, Ấn cách) nhưng thêm Hóa Lộc ở với Mã lại càng đẹp nếu gặp Tuần, Triệt thành vô vị.

**Tọa Khôi hướng quý** – Mệnh có Sao Thiên Khôi – ngoài có Sao Thiên Việt chiếu.

Người tuổi Giáp, Mậu Mệnh tại Sửu

Người tuổi Ất, Kỷ, Mậu Mệnh tại Thìn thời được cách giáp Khôi, Việt.

**Mã đầu đôi kiếm** (kiếm treo cổ người – đừng nhầm Kinh Dương tại Ngọ Cung)

Người tuổi Quý Dậu, Quý Ty, Quý Sửu : Mệnh an tại Mùi, tức là Mã, Kinh, Đà chiếu lên Mệnh, tuổi Quý Sửu là thượng cách, Quý Dậu, Quý Ty là thứ cách.

Tuổi Kỷ Mùi, Kỷ Mão, Kỷ Giợi, Mệnh tại Sửu

Tuổi Kỷ Mùi, là thượng cách, Mão, Hợi thứ cách

Tuổi Thân, Tý, Thìn : Thiên Mã tại Thân

Sáu tuổi kể trên, Mệnh lập tại Dần hoặc Thân, thêm Sao Thiên Hình tọa, hoặc chiếu rất tốt.

Tuổi Bính, Mậu gặp Thiên Đồng, Tham Lang ngộ Kinh tối quý (số ông Hán Quang Vu tuổi Bính Thìn 1 – 6 giờ Sửu, thổ tuổi).

**Xin nhớ :** Thiên Hình mà ngộ Tuân, Triệt đó là thanh kiếm gãy tối kỵ.

**Thất Sát chiếu đầu** – Thất Sát tại Dần, Thân an tại Mệnh.

**Nhật, Nguyệt tịnh minh** – Thái Dương cư Mão, Thái Âm cư Hợi, An Thân, Mệnh, Quan, Tài, tối quý.

**Minh Châu xuất hải** – Thái Âm cư Tý

**Nhật, Nguyệt đồng lâm** – Âm, Dương đồng Cung Sửu, Mùi

**Hình tù giáp Ấn** – Thiên Hình, Liêm Trinh ở Mệnh, Thân là người vũ mạnh. Hoặc Mệnh ngồi giữa, một bên Thiên Hình, một bên Quốc Ấn đó là cách tiền Hình, hậu Ấn.

**Khoa, Quyền, Lộc củng** – Một Hóa ở Mệnh, hai Hóa chiếu.

**Tham, Hỏa tương phù** – Tham Lang, Hỏa Tinh đồng Cung tại Thìn, Tuất, Sửu, Mùi an Mệnh.

**Vũ Khúc thủ viên** – Vũ Khúc tọa Mão Cung thủ Mệnh.

**Phủ, Tướng triều viên** – Thiên Phủ, Thiên Tướng chiếu Mệnh.

**Tử, Phủ triều viên** – Mệnh, Sửu, Mùi : Tử, Phủ chiếu. Hoặc Mệnh Dần, Thân có Cơ, Âm tức là Giáp Tử, Phủ cũng tốt.

**Văn tinh ám củng** – Mệnh, Quan, Tài, Di gặp Khoa, Quyền, Lộc, Khúc, Xương (số Mãi Nghi Quý Mão 10 – 3 giờ Mão, thọ 28 tuổi).

**Quyền, Lộc sinh phù** – hai Sao thủ Mệnh đắc địa.

**Kinh Dương nhập Miếu** – Tuổi Thìn, Sửu, Mùi : Kinh Dương đóng ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi Cung là hợp cách.

**Cự, Cơ cư Mão** – Gặp Song Hao uy quyền chính thế, gặp Lộc phú cách.

**Minh Lộc ám Lộc** – Mệnh một Lộc, Cung lục hợp một Lộc.

Thí dụ : Mệnh, Dần một Lộc, Cung tử tức tại Hợi một Lộc.

**Khoa minh Âm Lộc** – Mệnh có Hóa Khoa, Cung lục hợp có Hóa Lộc, hoặc Lộc Tồn.

**Kim Dư Phù Giá** – (xe vàng tán tía phù Vua)

Tử Vi thủ Mệnh, gặp chiếu Tả, Hữu, Quynh, Lộc hoặc Thiếu Dương, Thiếu Âm.

## ĐỊNH BẢN TIỆN CỤC

**Sinh bất phù** – Mệnh gặp Liêm Trinh ngộ Không Vong.

**Lộc phùng lưỡng sát** – Mệnh có Lộc gặp Không Vong và Không Kiếp.

**Mã Lạc Không Vong** – Số Lộc, Mã, Tướng, Ấn nhưng ngộ Tuần Triệt.

**Nhật, Nguyệt tàng huy** – Mệnh tại Thìn gặp Cự Môn, Thái Dương Tý chiếu lên.

Mệnh tại Sửu gặp Thiên Phủ tức là giáp Âm, Dương hãm cách.

**Tài dữ tù cừu** – Vũ, Liêm cùng ở Mệnh, Thân gặp Sao sát (Kiếp, Không, Linh, Hỏa).

**Nhất sinh cơ bản** – Phá Quân, Dần, Thân thủ Mệnh thêm ao sát hội hợp.

**Quân tử tại già** – (người quân tử sống nơi thôn già cô lậu) Mệnh, Thân gặp Kiếp, Không, Linh, Hỏa hãm địa.

**Lưỡng trùng hoa cái** – Lưỡng Lộc thủ chiếu Thân, Mệnh ngộ Không, Kiếp.

## ĐINH TẠP CỤC

**Phong vân tể hội** – Mệnh Tân tuy xấu, nhưng đại tiểu hạn gặp Lộc, Mã.

**Cầm thượng thêm hoa** – Hạn gặp ác tinh, nhưng đắc địa (song hao, Hình, Sát đắc cách)

**Lộc suy mà khốn** – Hạn Thất Sát, Lộc, Mã gặp Không Vong.

**Y cầm phùng hương** – Tiền vận 40 năm vất vả, về gia sung sướng, tựa như người mặc áo gấm về thăm làng cũ.

**Bộ số vô y** – Tiền, hậu vận liên miên gặp xấu. Hết gặp Tuần, lại gặp phải Triệt (nghĩa bóng là : người không áo mặc).

**Thủy thượng giá tinh** – (ngôi sao sống trên mặt nước lạnh), ý nói : vận xấu, không đi đến, một năm tốt, một năm xấu.

**Cát hung tương bán** – cũng tựa như nghĩa câu trên, học niên hạn nửa tốt, nửa xấu.

**Khô mộc phùng xuân** – (cây khô gặp được mưa xuân) Mệnh xấu nhưng gặp tốt.

## TỔNG LUẬN PHÚ, QUÝ, BẦN TIỆN, THỌ, YẾU CÁCH

### Phúc thọ

Thiên Đồng, Thiên Lương, Tử Vi, Vũ Khúc, Phá Quân, Tham Lang tọa Mệnh vượng Cung, chủ Phúc thọ (số Canh Tuất 18 – 3 giờ Tý).

### Thông minh

Văn Xương, Văn Khúc, Thiên Tướng, Thiên Phủ, Vũ Khúc, Phá Quân, Tam Thai, Bát Tọa, Tả Phù, Hữu Bật, tam hợp củng chiếu, người cực thông minh (số Tân Hợi 11 – 11 giờ Ngọ).

### Oai Mãnh

Vũ Khúc, Văn Xương, Kinh Dương, Thất Sát tọa Mệnh Cung đắc Quyền, Lộc, Tả, Hữu, người anh hùng oai mãnh (Quý Mùi 8 – 5 giờ Hợi).

### Văn chức



Văn Xương, Vũ Khúc, Tả, Hữu, Khôi, Việt tọa Mệnh, tam phương tứ chính gia Khoa, Quyền, Lộc vi văn quan (số Nhâm Tý 18 – 5 giờ Hợi).

### **Vũ chức**

Vũ Khúc, Thất Sát tọa Mệnh, gia Khôi, Việt, Quyền, Lộc, Thai, Tọa vi Vũ chức (số Nhâm Thìn 7 – 3 giờ Thìn).

### **Hình danh**

(Số phi thường) Kinh, Đà, Hình, Hỏa, Linh, Vũ, Khúc, Phá Quân, Thất Sát đắc cách, hội Quyền Lộc, Đào, Hồng, Khôi, Việt (số Tân Mão 6 – 6 giờ Mão).

### **Phú quý**

Tử Vi, Thiên Phủ, Thuyền Tướng, Lộc, Quyền, Khoa, Âm, Dương, Xương, Khúc, Tả, Hữu, Khôi, Việt đại phú quý (số Quý Sửu 23 – 9 giờ Dần).

### **Bần tiện**

Kinh, Đà, Liêm Trinh, Thất Sát, Vũ Khúc, Phá Quân, Không, Kiếp, Kỵ Hãm Địa (số Nhâm Tuất 4 – 6 giờ Dậu).

### **Dâm dăng**

Tham Lang, Liêm Trinh, Kinh, Đà Không, Kiếp, Linh, Hỏa, Kỵ Hãm Địa (số Kỷ Mùi 11 – 5 giờ Dậu, Âm nữ).

### **Tăng đạo**

Thiên cơ, Thiên Lương, Thất Sát, Phá Quân, Không, Kiếp hoặc Tử Vi ngộ Hao, Sát (số Kỷ Mão 12 – 12 giờ Tuất).

## **TRẦN ĐOÀN PHÚ**

Bài phú này, do Trần Đoàn viết, sau các học trò và con cháu của Ngài, kinh nghiệm và bổ túc thêm vào. Trong phú chuyên chú đoán vận hạn và phúc đức của đời người. Có thể nói rằng : “nếu thuộc và hiểu hết ý nghĩa trong bài, tức là đã khám phá được ít nhiều về môn đại số học Tử Vi vậy ?”.

1. Tử, Phủ đồng Cung tối vi phúc hậu. Sát, Hình tọa, củng, liêm trực vô tư.
2. Vũ phòng Phá diện, nan bi nghiệp, Phủ dữ Vũ Khúc đồng độ tích ngọc đòi kim.
3. Cự phòng Tồn tú, các xứ toàn hung, ưu nhập tử Cung, vô nhi tống lão.  
Quế sứ, Hoa Thương, tí hiểm giao ngộ, mục phòng sát diện, đa khổ, tai ương.
4. Âm tàng, hồng, Nhận, Kỵ, Riêu, tán liêm hàm tiểu, Hạn phòng Xương, Vũ, đem tử xuân tình liên xuất phát.  
Tướng ngộ Cái, Đào, Khúc, Mộc, thuần tước dâm phong, hạn ngộ Cơ, Riêu, vô phu nan tự khởi cô niên.
5. Tam phương xung sát, hạch triệt khả bằng. Tứ chính giao phòng kị tuần không trực đối.
6. Hung tinh đắc địa phát già như lôi, nhược phòng Đế tượng danh đăng tử hải.  
Cát tinh đắc địa phát đi tầm thường, lai nhập Văn tinh liên chiếm khôi khoa.

7. Hạng Vũ anh hùng, hạn ngộ Thiên Không nhi táng quốc, Thạch Sùng cự phú, vận phùng Địa Kiếp dĩ vong gia.
8. Phụ, Bát ái nhập Mộ Cung, nhược phùng Đế tượng, Văn đoàn, Vũ Cách, cánh phát, tài danh.  
Triệt đao kim Cung, Tùng lâm Hỏa địa, bất ky sát tinh, bại diệu, tai ương sở tác.
9. Tan nhân tối ái Cự Môn, Lương hạn đao Trúc La, Gia Lâm Phụ, Bát, đăng vân nhất bộ.
10. Đồng Âm tại Tý, Nguyệt lãng thiên môn, dung nhan mỹ ái. Hổ, Khốc, Riêu, Tang xâm nhập, chung thân đa lệ phối duyên.
11. Lương, Nhật, Mão Cung, Nhật xuất phù tang, dung mạo phương viên (mặt trời ra khỏi đám mây). Hư, Kinh, Tuất, Khách, gia lâm, mãn thế đa phùng tang sự (suốt đời buồn rầu, đàn bà lấy chồng phải cưới chạy tang).
12. Nguyệt phùng Đà, Ky, Hổ, Tang ; thân mẫu trần trái nạn tan thọ Mệnh (Hạn mẹ chết).  
Nhật ngộ Kiếp, Hồng, Bình, Khốc, thân phụ tận niên thọ hưởng ai thương (bố về già khổ mới chết).
13. Vận hội Cơ, Thư gia lâm Kiếp, Tuất, bá tướng đăng đàn, đắc quân sủng ái (hạn Tô Tần lĩnh sáu nước cầm quân).  
Hạn phùng Phủ, Tướng kiêm hữu Việt, Linh tu phòng lộ khổ, ứng thi đạt cao (Đi xa nên đề phòng, nhưng đi thi thời đỗ).
14. Lã Bất Vi, thương chi nhân, hạn Phùng, Phá, Tướng, Tử, Tham, Quyền, Ấn, Hồng, Hình, Phụ, Bát quyền nhiếp Tấn triều chi tiếm Đế.  
Cơ Thực Ai giang hồ chi nữ, hạn phùng Hồng, Khôi, Đồng, Nguyệt, Cơ, Thư, Khúc, Xương, Phúc, Hỷ, huệ mộng Thực Đế chi lai Cung.
15. Sát, Kinh tại Ngọ, mã đầu đới kiếm, tương giao sát diệu ư Bính, Mậu nhân, Mệnh vị nan toàn.  
Hình, Hổ cư Dần, Hổ đới kiếm hùng, tương phùng Đế cách, ư giáp Kỷ nhân, vụ uy chấn động.
16. A Man xuất thế, do hưu Cự, Ky, Khốc, Kinh, Thìn, Tuất.  
Triệu Tử Hán phù thị ư Hình, Quyền, Tướng, An, Sửu, Mùi.
17. Tây nường tử áp đảo Ngọ, Triều do hữu Đào, Hồng, Cơ, Cự, Song Hao, Quyền, Ấn : Phu Cung (số Tây Thi).  
Lưu Huyền Đức đạt thừa Hán nghiệp, thi ư Tử, Phủ, Khoa, Quyền, Hình, Ấn, Hồng, Khôi, Thân Mệnh (số Lưu Bị).
18. Mệnh đắc Tử, Phủ, Vũ, Tướng hạn đao Thiên La, Tử, Tuyệt, Cự Đôn, diệu lai xâm Ngọ địa sa tràng, Quan.  
Quan Hầu táng Mệnh (hạn Quang Công ngộ nạn ở bản Đông Ngô).

- Thân phùng Sát, Phá, Liêm, Tham, hạn lâm Địa Võng, Hình, Khôi, sát diệu Kỵ, Đà xâm nhập, Thực gia trưởng nội, Dục Đức Mệnh vong (hạn Trương phi bị ám sát).
19. Phượng hàm thư, nhi phùng Nhật, Nguyệt, Tam Kỳ lai nhập Tử, Sinh nam tất úy bá quyền danh, nữ tất danh đăng, sướng vui.  
Mã ngộ Khốc nhi phùng Hình, Quyền, Lộc, Ấn tại Quan Cung số tất thắng ban đệ nhất, văn hội chuyển đạt tam công.
20. Tử, Phủ đồng Cung, Tuần, Không Âm nhập, Đế vô quyền sở, nan giải hung tinh hạn ngộ.  
Sát tinh, Bại diệt, Tuần Triệt cư lai : bất cập a hành, nan phùng tai ách vận lai.
21. Giáp, Kỷ nhân, Đế cách hoan phùng, kiêm Hữu Hồng, Xương, Thư, Nhân Kinh Dương hạn phùng, tài tăng phúc tiến.  
Ất, Tân tuế Văn Đàn hỷ ngộ, gia hữu Hư, Kinh, Tuế, Khách hạn lâm hoành đạt võ công.
22. Song hao Mão, Dậu trúng thủy triều đông, tối hiềm Hóa Lộc, ái ngộ Cự Cơ.  
Cự, Nhật, Dần, Thân, thiên Môn Nhật lãng, kị, ngộ Lộc Tồn, giao Quyền, Phượng.
23. Ngu Vị lai Hóa Cung, Minh châu xuất hải, tu cần Quyền, Kỵ, Khúc, Xương hạn đáo.  
Nhật cư Ly (Ngọ, Nhật lệ chung thên, ái ngộ hình, Tang, Hổ, Khốc vận lâm).
24. Tiêu, Tướng (Tướng Quân hoặc Thiên Tướng), Mộc, Kinh, Khoa, Sát ư lão hạn, dĩ tác dâm loạn Võ Hậu (dâm đẳng số 1).  
Khúc, Xương, Nhật, Nguyệt song Long, tại chung niên vị hoành mê sắc Dương Phi.
25. Tham cư Đoài (Dậu), Chấn (Mão) thoát tục vi tăng, Kiếp, Kỵ lai sâm : trần hoàn đa trái.  
Khốc, Kinh, Hình, Hổ, Tân, Quý hạn phùng ; tử nghiệp Mệnh chung; Khoa, Lương vị giải.
26. Phá tọa Khảm (Tý), Ly (Ngọ) cô thân độc ảnh, Bát, Kinh tọa cũng dự thủ danh gia.  
Hao, Sát (kiếp sát), Hồng, Đào; Ất, Tân hạn đáo, đa phùng phản phúc : Khoa, Phú hạnh cầu.
27. Nhật, Nguyệt Sửu, Mùi, ái ngộ Tuần không : Quý, An, Xương, Khúc ngoại triều, văn tất thương cách, đường quan xuất chính. Tuế, Xương, Thìn, Tuất hỷ phùng Sát, Phá, Tả, Hữu, Mộ, Khoa lai củng : Võ tất đạt cao quyền bính quân gia.
28. Hợi Cung Tử, Sát gia kiêm hình, Ấn, Khôi, Khoa, lai nhập Quan Cung : cư văn hoán vũ, xuất thủ kỳ công đa đạt, duy hãm Triệt cư phế cách.  
Dần mộc Phu, Vi hữu hội Tam – Kỳ, Kinh, Bát cư lai Thân, Mệnh : Xuất võ do văn, quyền hành quy phục chúng nhân, mạc phùng, Không, Kiếp hư vô.

29. Phá quân Thìn, Tuất nhi ngũ Khoa, Tuần, cải ác vi lương ; cư Mậu, Quý nhân, đa hoạch danh tài hợp tuổi Mậu và Quý).  
Tham Lang, Hợi, Tý Hạnh phùng Quyền, Vượng biến hư thành thực, ư Giáp, Kỷ tuế, phú danh viên mãn (hợp tuổi Giáp và Quý).
30. Cự, Nhật, Mệnh, Viên hạn đáo Sát (Kiếp Sát), Hình, Kiếp, Kỵ, tu phòng tam phước, kiêm Thiên Mã hội, hàm tất tứ chi đức hạnh song Hao khả giải.  
Cơ Âm : Thân sử, vận phùng Liêm, Hổ, Linh, Riêu, nan bảo thai nhi, hia Kiếp, Hình sâm, lao tù ưu khoa, hạnh phùng Khoa, Phượng nạn tiêu (Nghiệm thấy Cơ, Âm Dân, Thân, nam nữ đều bị lật đật, oan trái).
31. Đế tọa ly (Ngọ) Cung, Tam Kỳ Hình, Ấn, Khôi, Xương, Hồng, Bát : Mỹ mạo tài hùng, hạn hữu Cự, Sát, Đà, Linh : Chu Du cam hạn Mệnh vong.  
Tướng (Thiên Tướng làm Chấn địa Mão, Sinh, Vượng, Đào, Hồng, Tả, Hữu, Quyền, Xương, địn hoa vũ bá, vận phùng Phá, Đà, Kinh, Kiếp : Lã Bố do đàm mãn kiếp).
32. Không, Kiếp hà hiềm Ty, Hợi : Mã, Tương đồng cư nhi hội Khoa tinh loạn thế phùng quân chi cách (loạn thế gặp bực).
33. Tử, Sát, Tồn Cung (Ty) Đề huê (mang, giết) bảo kiếm. Hỏa, Tuyệt nhập sâm (?) đa sát chi nhân, hạnh hội Hồng, Khoa, Ấn, Mã, Bát, Sinh : dị lập chiến công vi đại tướng.
- 33b. Tham, Liêm Càn (Hợi) thượng, văn lập vô phong (mây đứng không có gió). Tuyệt, Linh ưu nhập, vi nhân bản khổ, nãi phùng Dương nhận (Kinh), Kiếp, Không, Hư, Mã chung thân phi yếu tất cô bản. (1).
34. Liêm tại Cấn, Khôn (Dần, Thân) nữ Mệnh trích lệ thương phu, nhược lại Cô, Quả, Không Môn tiện ấn, nam nhân tất đa truân tai ách ư lương thê (nam, nữ đều lâm vào cảnh góa bụa).  
Sát cự Ly, Khảm (Tý, Ngọ) nam nhân : thê hiền đa hội, mạc ngũ Kiếp, Riêu, ố phụ ái cô thân (ghét đàn bà), nữ Mệnh ai oan trái hồng nhan nan tự chủ. (muốn dứt đường tình ái, nhưng vẫn phải vương lụy).
35. Đế tinh tại Thủy (Tý), nan giải tai ương, hạn hữu sát tinh Thìn, Tuất, hình lao khôn vị thoát, Mệnh nãi Dương, Đà gia Kiếp vi thành thọ giảm.  
Tử, Phá mộ (Thìn, Tuất, Sửu, Mùi) Cung vô ưu họa ách, vận lai Phụ, Bát thổ Cung, nguyện vọng đặc như cầu. Thân kiếm Hồng, Lộc, Hóa Khoa, Khánh hội long vân.
36. Thìn Cung thượng khởi Cơ Dương Giáp, Nhâm, Dương nữ : lợi tử thương phu (nhiều con nhưng góa), Ất, Quý, Âm nam do phú thành vinh, duy thê khắc hại (giàu sang nhưng góa vợ).

- Tuất địa hạn hành Tử, Tướng, Tân Ất Âm nam : thê vinh phú hoạn Giáp Canh, Dương Nữ thương phu khắc tử, hoạn đạt tự thân.
37. Mão, Dậu, Cự, Cơ, Ất, Tân nam nữ : ích tử vượng phu, bất kiến Triệt, Tuần đa tài thao lược.  
Tý, Ngọ, Tha, Đào Ất, Kỷ Âm nam : lập nghiệp do thê, kiêm năng sát diệu, hành sự dung thê (nhờ vợ mà có danh).
38. Đế tọa Thiên La, Thân cư Triệt sứ (?), ư, Giáp, Kỷ nhân : chung niên nan toại chí, đa trái thê nhi, (công danh, vợ con đều lận đận).  
Phủ cư Địa Vong, nhượng hãm Tuần không ư Nhâm, Đinh Tuất : Mãn thế sự bao hoài, nan phùng vận lộ (suốt đời khôn đạt, muộn).
39. Dần, Thân, Hóa, Phá, Việt lâm ư Tân, Đinh tuế : Cơ sảo tài hành (máy móc giỏi) hạn lưu Mã, Tuyệt, sát tinh, tứ chi nan bảo.  
Tý, Hợi Tướng, Binh Ấn nhập ư Bính, Nhâm nhân : quyền hành chấn động, vận hữu Lộc, Quyền, Hao diệu, tài sản vượng tăng.
40. Liêm, Sát, Sửu, Mùi, Ất, Kỷ Âm nam : Khí hùng, trí dũng, Tuần, Triệt vô xâm, kiêm hữu Khoa, Sinh hạn đáo, danh tài, lộc phát.  
Vũ, Tham, Thìn, Tuất, Mậu, Canh, Dương nữ, vô hạnh (không gặp may) hữu tài, Kiếp, Không hung kiến, hựu phùng Hà (Lưu Hà), nhân vận lâm : Mệnh vị nan toàn.
41. Đồng Âm, Ngọ địa, Bính, Ất tuế cư, phúc tăng tài hoạn, gia hãm Long trì, tu phòng mục tật, nhược Mậu, Quý nhân, chung thân bản quả.  
Phủ, Vũ Tý Cung, Giáp, Đinh nhân tọa, phúc vượng danh ba, hung lai Tuần, Kiếp, danh sú, nhân khi (danh xấu, người khinh), ư Canh, Nhân tuế, Tài Phúc, Trường hành.
42. Phụ, Cáo ái giao Ấn, Tướng : ố kỵ, Cự, Đồng, nhi Ngọ, Khôi, Xương, cử khoa ngạo đầu tất chiếm (đỗ đầu).  
Đồng Lương viên ngộ Khôi, Quyền tăng phùng Linh, Kỵ, giao lai song Lộc. Doanh thương dị đạt phú cường.
43. Tham, Lương kỵ ngộ sát tinh, ưu xâm Hoa, Kiếp, vấn nạn phú thọ nan toàn tướng (giàu chết non, nghèo thời thọ).  
Phá sát khủng (sợ) phùng Hao, Hỏa, mạc ngộ Việt, Hình : lão hạn qui thân hoa nghiệp lai (về già gặp tai nạn rồi mới chết).
44. Âm, Dương, Thìn, Tuất, Nhật, Nguyệt bích củng, nhược vô minh dã, không diệu tu cần, song đắc giao huy, nhi phùng Xương, Tuất, Lộc, Quyền, Phụ, Cáo, Tả, Hữu ; nhất cử thành danh chúng nhân tôn phục.  
Nhật, Nguyệt, Sửu, Mùi, Âm, Dương hỗn hợp, tự giải quang huy, kỵ phùng Kiếp, Triệt, nhược lai văn diệu diệc kiến Quý, Ân, Không tinh, Thai, Tọa, Khôi, Hồng : văn nguy lý, xuất sử đạt công.

45. Nhật tại Ty Cung, Nhật mỹ huy thiên, Kiêm lai Lộc Mã, tràng ; Tồn, Phụ, Bất thế sự thanh bình vi đại phú ; như kiêm tướng, Ấn, Binh, Hình, vô lai Tuần, Triệt ; loạn thế công thành toại.  
Nhật cư Hợi địa, nhật trảm hải nội, ngoại củng Tam Kỳ Tả, Hữu, Hồng, Khôi, kỳ công quốc loạn dị viên thành, hoan ngộ Phượng, Long, Cái hổ, bất kiến sát tinh, thế thịnh phát tài.
46. Mệnh, Không, Thân, Kiếp, lai hội song Hao, ư nhân Mệnh vô chính diệu, thiếu học đa thành, mạc ngộ Phúc Ấm (Đồng, Lương), Hao tinh (Phá Quân) Thân, Mệnh ; niên thọ nãi cầu vượng hưởng.  
Mệnh, Kiếp, Thân Không nhi giao Hồng, Nhận, ư tuế, Mệnh lạc chính tinh, tiền đồ đa khổ, nhi hữu Âm, Dương, Đế diện Mệnh, Thân ; chung niên Phúc hoạch sinh tài.
47. Mệnh, Triệt, Thân Tuần tu cần vô hữu chính tinh van niên vạn sự hoàn thành khả đãi (số trở về già mới hay).  
Mệnh Tuần, Thân Triệt, hoan đắc Văn đoàn hữu thủ : phụ quý danh tài cánh phát chung niên.
48. Thân Mệnh đồng Cung, tối hiềm nhập Mộ (Thìn, Tuất, Sửu, Mùi) hoặc ư Tuyệt xứ (Cung Hợi) bất kiến chính tinh, tu cầu Tả, Hữu, Vượng, Sinh họa nhập, biến hung thành cát : chung thân vượng hưởng phúc tài.  
Mệnh, Thân đồng tọa, như tại Hỏa Cung (Ty, Ngọ) hoặc lâm Hợi Địa, đồng vô chính diệu, khủng (sợ) kiến Mã, Hình, Linh, Kiếp thử chung hoa khai ngộ vũ (hoa vừa nở đã bị mưa) mãn thế phi bản tắc yếu (có Lộc thì giàu nhưng yếu, không lộc thì nghèo nhưng thọ).
49. Thân tại Di Cung, Triệt, Tuần hãm nhập, văn tuế hồi hương, phương túc át : Kiêm kiến sát tinh, sự nghiệp viên thành ư ngoại xứ.  
Thân cư thê vị, Tuần, Triệt lai xâm, thiếu niên ai lệ nãi thất tình, gia lâm cát tú, lương duyên mãn kiếp nữ phụ nhân.
50. Thân cư tài bạch, lai kiến song Hao, Lộc Quyền, Kiếp, Hỏa, tất thành thương nghiệp, kỳ mãi miên đơn (bông) ngũ cốc, hỏa họa tu phòng, nhược phùng Binh, Nhận gia lâm.  
Thân tại Tài Cung, hỷ thành Đế tượng, võ cách, văn đoàn hậu phú tiền vinh : mạc vi giang hải ngư gia, nan đề thủy ách, lai kiến kiếp, Hà hạn đao.
51. Thân cư Quan Lộc, nhược kiến Triệt, Tuần, Kiếp, Kỵ nam nhân phong vân vị tể (gió mây chưa gặp) hựu phùng cát diệu, vũ lộ thừa ân (ơn mưa móc), khả đáo trung tuần dĩ hậu (ngoài 40 tuổi mới hay).  
Thân tại Quan Cung, gia các diệu Triệt, Tuần : nữ Mệnh, nan bảo thân danh, gia kiến Bạch, Tang cô thân trích ảnh, nghi gia văn tuế tất thành.
52. Thân cư Phúc Đức, vô hữu chính tinh, tối kỵ Kiếp, Kinh, Triệt, Sát (Kiếp Sát) cư xâm, hoan ngộ Đà, Không thị vi cứu cánh chi Tinh.

Thân tại Phúc Cung, nhi vô chính diệu, ái giao Nhật, Nguyệt, Phượng Long triều củng, cư chung Lộc, Mã tất thị chung thân Phúc hảo.

53. Phú, Thọ, Quý, Vinh, Bần, Yếu, Ai, Khổ : do ư Phúc trạch cát hung.  
Thương, Tang, Hình, Khổn, Hạnh, Lạc, Hỷ, Hoan : thị lại vận hanh hung cát.
54. Phúc vô chính diệu, tu cần không tú, kị ngộ Triệt tinh, nhi phùng Sinh, Việt, Kỵ, Kinh vi nhân tiêu trưởng (nghề đồn củi, hoặc buôn gỗ).  
Hỏa khốc nhập xâm, đồng thiết di thành chân nghiệp (thợ đúc đồng hoặc buôn bán kim khí).  
Phúc hữu chính tinh, Kỵ ngộ Triệt, Tuần hoặc gia sát diệu lai ngộ Lưu, Kiếp, Cự, Đồng : thủy ních tử oan (chết đuối), Phượng, Lương hoan ngộ : chung thân du tử hư vô (có tài nhưng không gặp thời, chung thân lang thang, chỉ đi làm tốt cho người, còn mình vẫn cam chịu nghèo khổ, tựa như thân thế cụ Tả Ao vậy).

**Chú giải :**

1. Mệnh có Tử Phủ trung hậu, Mệnh gặp Sát Hình đắc cách, công bằng, liêm chính.
2. Vũ, Phá ở Ty, Hợi, Mệnh và Điền Trạch ở đó, khó giữ được cơ nghiệp của cha mẹ. Phủ, Vũ đồng Cung ở Mệnh, Tài gặp nhiều Sao tốt, giàu sang – nếu gặp Sao xấu, làm nghề thủ ngân là hợp (caissier).
3. Cự Môn gặp Lộc Tồn đồng Cung rất xấu, ở tử tức không có con Sao Xương, Khúc ở Cung Nô, Ấch, tức là gặp Thương, Sứ rất xấu, nếu Thìn cư ở Thiên Di mà hạn đi đến Thiên di nên đề phòng tai nạn.
4. Hạn gặp 5 Sao kể trên, tựa như bông sen hé nở, Hạn gặp Xương, Khúc thời động lòng xuân (hạn tưởng đến chuyện trai gái). Hạn gặp 5 Sao kể trên, tựa như con thuyền tước (chim chìa vôi) động cốn. Hạn đàn bà gặp Cơ, Riêu khó ngủ được một mình (tóm lại là hạn dâm).
5. Hạn gặp nhiều Sao xấu chiếu, nhưng bản Cung ngộ Triệt thời vô ngại.  
Hạn gặp nhiều Sao tốt chiếu, nhưng bản Cung ngộ Tuần thời cản cái tốt đi.
6. Đế tượng – Bộ tử, Phủ mà gặp hung tinh đắc địa, thời danh vang bốn biển.  
Bộ cát tinh : Cơ, Nguyệt, Đồng, Lương đắc địa thời phát chậm, nhưng gặp nhiều văn tinh đắc cách : đỗ đạt danh cao.
7. Hạn Thiên Không rất xấu, tức ví như Hạng Vũ tan vỡ sự nghiệp, Hạn Địa Kiếp, mà giàu như Thạch Sùng cũng phải trắng tay.
8. Đế tượng là Bộ Tử, Phủ, Văn đoàn là bộ Cơ, Nguyệt, Vũ cách là Bộ Sát, Phá, Tham, Sao Tả, Hữu ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi (Mộ Cung). Gặp Mộ trung tâm trong các bộ kể trên, thời là người tài cán giỏi giang.

Triệt ở Thân, Dậu, Tuất ở Thìn, Ty, Ngọ, Mùi nhưng Cung đó nếu có tui Linh, Hỏa, Không, Kiếp, Kinh, Đà, Kỵ, Kiếp Sát, Song hao, Tang, Hổ, Khốc, Hư thì vô ngại, tức là Sao Tuần, Triệt có đủ năng lực áp đảo được lũ sát tinh kể trên.



9. Tuổi Tân gặp Cự, Đồng, Tả, Hữu ở Tứ Mộ thời tốt. Các tuổi khác thì xấu. Tuổi, Kỷ, Cơ, Nguyệt, Đồng, Lương thủ Mệnh gặp hạn Sát, Phá, Tham, Tả, Hữu thời mộ trung tâm bước giàu sang.
10. Đồng, Âm tại Tý, tức là mặt trăng soi sáng giữa Trời (mặt mày đẹp đẽ). Đàn bà gặp 4 Sao kể trên, ở Mệnh, Thân, Phu Cung : suốt đời hạn tình hoặc góa.
14. Lã Bất Vi lái buôn vàng ngọc, có tài xem tướng, gặp bố của Tần Thủy Hoàng đương bị phải làm con tin, biết về sau cũng sinh quý tử liền đem ái thiếp của mình gả cho. Về sau người Thiếp này sinh ra Tần Thủy Hoàng – tức là Vi là bố dưỡng của Tần Thủy Hoàng (đời sau gọi Vi là anh có tài buôn Vua). Cơ Thục Ai gả giang hồ hạn gặp các Sao kể trên, được Thục Đế vời vào Cung.
15. Tuổi Bính, Mậu gặp như vậy rất độc, nhưng gặp Phượng các, Giải Thần vô ngại. Tuổi Giáp, Kỷ gặp như vậy, khác nào Hổ đeo Bảo kiếm (anh hùng).
18. Hạn Tào Tháo ra gánh vác việc dứt số Triệu Tử Long.
19. Cung Tử Tức có Phượng Các, Tấu Thư, Nhật, Nguyệt và Tam Hóa, sinh con trai tài giỏi, sinh con gái ca hát nổi danh.  
Cung Quan Lộc : Mã, Khốc, Lộc, Ấn là văn, Mã, Khốc, Hình, Quyền là võ.
20. Tử, Phủ đồng Cung gặp Tuần, Triệt là Đế vô quyền, bị hết oai lực, hạn xấu cũng chẳng giải được xấu, hoặc Tử Vi hãm địa tại Tý cũng thế.  
Trái lại, hạn gặp lục sát tinh, lục hại tinh mà gặp Tuần, Triệt ngay bản Cung, thì là sát, bại tinh kia cũng không thể quấy rối mình được.
21. Tuổi Giáp và Kỷ gặp các Sao kể trên, nên tai nạn cách (Đế cách là bộ Tử, Phủ) Tuổi Ất và Tân gặp các Sao kể trên nên tại vô cách văn đoàn là bộ Cơ, Nguyệt.
22. Song Hao ở Cung Mão, Dậu gặp Cơ, Cự là hay, nếu có Hóa tốt thêm Cự Môn tối kỵ gặp Lộc Tồn nếu gặp Hóa Lộc lại càng hay.
23. Nên để ý hai câu này : hình gặp Thái Dương và Thái Âm gặp Kỵ rất đẹp về đường công danh. Nhưng hạn này Thái Âm là Mẹ tất ốm đau, Dương là cha tất lủng củng.
24. Về già còn gặp các Sao kể trên thời lòng xuân chưa hết, trung niên gặp hạn này thời tài sắc đáng nghìn vàng, gặt ra không hết những khách si tình, **“Đài gương soi tới dấu bèo”**.
25. Tử, Tham, Mão, Dậu là số tu hành hoặc thích về Đạo Lý, nhưng gặp thêm kiếp, Kỵ dù có muốn rũ sạch trần duyên, nhưng cũng còn nhiều oan trái (phá giới). Tuổi Tân và quý hạn gặp các Sao kể trên rất xấu, nhưng gặp Hóa Khoa, Thiên Lương khả giải.
26. Thêm Cô, Quả hoặc Đẩu, chỉ có một mình, hoặc Cung đó là Bào Cung, dầu nhiều anh em, trái lại thân mình vẫn lẻ loi độc trụ, nhưng Mệnh là người có tài cán.  
Tuổi Ất, Tân hạn gặp các Sao kể trên thời đề phòng bội phạn, gặp Khoa và Thiên Phủ thời vô ngại, xem như vậy Ất, Tân rất kỵ gặp Kiếp Sát.



27. Âm, Dương, Sửu, Mùi gọi là Nhật, Nguyệt đồng tranh, nhưng gặp Tuần không thời Âm, Dương điều hòa, trái lại là tốt.  
Xương, Khúc ở La Vọng là xấu nhưng gặp Thái Tuế thời rất tốt. Nếu gặp Linh, Hỏa thời tối độc.
28. Số như vậy là : Dương lâm bán, Hóa Liêm vô (tham mưu), nhưng gặp Triệt (?) làm cố vấn, giáo sư thời hơn. Cầm quân xuất trận thì xấu. Số văn tài, nhưng gặp thời loạn phải tham dự việc quân, tựa như hoàn cảnh Khổng Minh, nhưng gặp Triệt đi tu thời hay, hoặc viết sách làm giáo sư, cố vấn quân sự thời hợp.
29. Phá Quân, Thìn, Tuất gọi là số ác, nhưng có Khoa, tuần là người thiện, Tham Lang Hợi, Tý gọi là số đa trá, nhưng có Quyền, Tràng Sinh, Đế Vương là người trung hậu giữ lời hứa.
30. Hắc đầu tim, hoặc tê liệt, Thái Dương thuộc Hỏa là tim, Cự Môn thuộc Thủy là phổi, Thiên Cơ thuộc Mộc là bào thai, cơ trời, mây trời. Hạn để non, hoặc tù tội (số hay để non Tân Hợi Âm nữ, 10 – 5 giờ Tuất).
31. Số và hạn của Chu Du  
Số và hạn của Lã Bố.
32. Số làm Đại Tướng nhưng đa sát, nếu gặp Tuần, triệt bản ứng làm đồ tể thì hợp hoặc đao phủ thủ.
33. Tham, Liêm, Tị, Hợi nhưng gặp Tam Hóa, trái lại, là người uyên bác, trung trực, không thay đổi chí hướng (số ăn mày, Ất Ty, 21 – 4 giờ Mão, Âm nam, Mệnh Liêm Trinh tại Dần).  
1. Kiếp, Không đói rách vô cùng, Hỏa, Linh biến lận khôn đường thủy chung.  
Tham, Liêm, Không, Kiếp kể chi, bởi hung xấu số phải lần ăn xin.  
Tham ngộ Đà : Đà, Tham tửu sắc chơi bời (Mệnh)  
Tham ngộ Đà : loạn dâm (nô bộc)  
Tham Lang Ty, Hợi ngộ Lộc Tồn, tức là giáp Kinh, Đà số Khất cái, có Hóa Lộc khả giải.  
Tham Lang ngộ Kinh Dương có khi ngộ sát hoặc bị ngộ sát.  
Tham Lang ngộ Ky gặp thêm Sao xấu thời biến lận.  
Tham Lang ngộ Hỏa thời tảo tạn, gan góc.
35. Tử Vi ở Tý thủ Mệnh, mà hạn đi đến La Vọng gặp Sao xấu, thời Đế tinh cũng chẳng có hiệu lực gì cứu gỡ, hoặc năm trước gặp nạn, năm sau tiếp đến La Vọng cũng hãy còn bị xấu, chứ chưa gặp may. Nếu Tử Vi đã bị hãm tại Tý mà gặp Dương, Đà thời yếu bần.
40. Kỷ : Lưu Hà ở Ngọ  
Canh : Lưu Hà ở Mão  
Tân : Lưu Hà ở Thìn  
Và Sao Khôi, Việt

Giáp, Mậu : Khô ở Sửu, Việt ở Mùi

Tân, Canh : Khô ở Ngọ, Việt ở Dần

Vì Sao Thiên trù cuốn đi

Tuổi Bính ở Tý

Tuổi Quý ở Hợi

49. Thân cư Thiên Di, gặp Tiệt, Tuần, khi già nên về quê ở thì hay, nếu gặp sát tinh thời suốt đời phải ly hương, lập nghiệp ngoại xứ thì hay.

Thân cư thê, gặp Triệt, Tuần và Sát Tinh, thời sát vợ hoặc đau đớn về tình, nếu có nhiều Sao tốt, về già kết duyên cùng người cùng hoàn cảnh ngang trái như mình thời hợp, đừng nên màng tưởng đến người vợ ít tuổi.

50. Thân cư Tài Bạch, gặp các Sao kể trên, buôn bán giàu có, nhưng gặp Phục Bình, Kinh Dương thời không nên buôn bông và thóc gạo, nên đề phòng lửa cháy. Số như vậy nên làm nghề đi sông nước, hoặc nghề đánh cá, nếu có thêm Sao Lưu Hà, Địa Kiếp.

51. Thân cư Quan Lộc, gặp Triệt, Tuần, Kiếp, Kỵ về già mới gặp phước. Đàn bà nếu lấy chồng sớm, hay bị trở ngại, thiếu niên tân khổ.

52. Thân cư Phúc Đức, không có chính tinh, lại gặp Kiếp, Kinh, Triệt, Sát thời rất xấu, nhưng gặp Đà La, là Đà La độc thủ ; hoặc gặp Tuần thì hay, là vì Sao Tuần Không, tựa như tấm bình phong che các Sao xấu ở ngoài chiếu vào. Trái lại, gặp Triệt thì tối nguy, tựa như cái cửa chắn cả ngoài lẫn trong. Bên trong có gặp Sao tốt cũng bị Triệt làm hết uy lực.

Thân cư Phúc Đức, không có chính tinh, mà gặp Nhật, Nguyệt, Phượng, Long thì rất tốt : đó là cách Nhật, Nguyệt chiếu hư Không – mặt Trăng, mặt Trời chiếu vào khoang Không trung, không vướng cản gì cả.

Kinh Dương cư Phúc Đức (Sao Vũ, khỏe) cần có Hình, Mã, Ấn, khác với Đà La Văn Tinh, cần loại Sao văn chiếu như : Âm, Dương, Xương, Khúc, Khô, Việt chiếu.

54. Phúc Đức không có chính tinh, là tượng trưng một sự không được hưởng phúc của tổ phụ để lại, nhưng Phúc có chính tinh mà lẫn Sao xấu, thời đãa không được hưởng Phúc, trái lại, thân mình còn mang họa nghiệp.

### CUNG TÝ

55. Phúc tại Khảm Cung, Tử (Sao Tử), Kiếp, Đồng, Âm, Triệt, Tuần xâm nhập : hữu học vô lương, yếu bản chi cách.

Phúc cư Tý Thủy, Kiếp, Kinh, Đế, Cự, Suy, Triệt gia lâm : ác nhân đang tử, mãn kiếp nan toàn (đã chết cũng không yên ; thí dụ : chết lại còn bị mổ xẻ, ...)

**CUNG NGỌ**

56. Phúc cư Ly (Hỏa), Đế cách tu phùng, nhược gia Sát diệu, Bại tinh, Tuyền, Triệt : chung thân hỷ bất cập thời, hoan giao tam hóa : điền viên túc hưởng vô tai (có tài mà không gặp, nhưng tam Hóa ở Phúc đức, ảnh hưởng vào Thê Cung, nên vợ tài đởm thao lược, tấm thân an nhàn).

Phúc tại Ngọ Cung, Tử, Đồng, Kinh, Phượng, kiêm ngộ Tang, Hình, Mã, Khốc, Lộc, Quyền : tiền đồ hể vi thành sự, hỷ ngộ Bật, Khoa : hậu tuế dị thành nghiệp chủ (thiếu niên lận đận, về già đắc ý nguyện).

**CUNG MÃO**

57. Phúc thọ Chấn Cung, Đế, Tham, Tướng, Phủ, hạnh phùng cát tú, tam Hóa giao lâm, Phúc thăng bất tuyệt, hựu kiến Triệt, Tuân, Tứ Sát, Mộ tinh, tất hữu đao thương chi ách – Dương mộ lạc di (mộ đàn ông bị thất lạc).

Phúc cư Đông (Mão), Cơ, Cự, Đồng, Lương, ngoại củng Phượng, Long, Lộc, Hao lai tọa, hoạnh phát phú cường, giao lai Hình, Ấn, Quyền, Khoa, Hồng diệu, vi thành pháp chính tư quyền (coi về việc hình án) Âm phần hảo tự (mộ đàn bà phát).

**CUNG DẬU**

58. Phúc cư Đoài sứ, lưỡng Tướng, Hình, Quyền, Hổ, Khốc, Sinh, Mã giao lai, vô cách phát liên hầu bá, ưu kiến Ky, Linh, Khúc, Việt tất hữu tử thương trận địa.

Phúc tọa Dậu Cung, Tam Không, Đà, Triệt, Kiếp, Kinh, Lưu, Đào tọa củng, tán gia bại sản vong hương, hựu phùng Tồn, Cự, Hình, Linh : vi nhân khát cái bồn hành (lang thang ăn xin).

**CUNG THÂN**

59. Khôn Cung Phúc tọa, nhi phùng Tử, Phủ, Đồng, Lương, Cơ, Nguyệt tu kiến Hổ, Hình, tam Hóa ; phùng thời loạn thế, thanh bình khánh hiển, nhược kiến : Không tinh, Sát diệu, phù trầm ảo ảnh, nhân sự nhàn lai chi phúc hạnh (Không bon chen, thời đắc phúc).

Thân sứ phúc cư, mạc kiếm Tham, Xương, Tướng, Hỏa, Khôi, Hình, lai lâm Đà, Sát, Kiếp, Không, yếm thế ưu thời, kỳ tử khôn toàn, hạnh gia Long, Phượng, Khoa, Quyền chung thân bất đắc chi bình, mạc vô khiếm dật khả an ninh (bằng lòng chịu thiếu thốn thì yên thân).

**CUNG DẦN**

60. Cấn địa phúc cư, tối hỷ Tam kỳ Đế cách, Phượng, Long, Phụ, Bật, thị phát vô công hầu tước, mạc phùng Triệt, Ky, Mã, Hình, Xương, Khúc ; hiển thân ngoại xứ, ưu hiềm đình tử (hiếm con).

Dần Cung phúc tọa, tối hiêm Lục bại, Phá, Liêm, Dương nhận, Việt, Linh : dị sinh đức tồn tại suy, nhược kiến Âm, Dương, Tham, Vũ, Lộc, Quyền, thừa đạt dinh tài, hỷ đắc vô tai.

### CUNG HỘI

61. Phúc tọa Hội Cung, tối hỷ Âm, Dương, tử, Phủ, Đồng, Lương, Cơ, Cự : kiêm hữu Khúc, Xương, Long, Phượng, Bát, Quyền, tứ đại hiển vinh, văn khoa di đạt, nhược cư Sát, Phá, Liêm, Tham tu đắc Khoa, Hình, Không, Kiếp Tràng, tồn ; Bạch thủ thành danh võ cách, duy hiêm chiêu phát mộ suy (sáng phát chiêu suy, ý nói không bền).

Phúc cư Càn địa, hiêm cư Tồn, Cự, Tham, Liêm, Tuyệt, Kiếp, Mã, Hình giao lai Tang, Tuế, Tả, Khoa, Ấn, Lộc, vinh thân vô tự (giàu sang, không con), nan tác thiên lương (ác), hạnh kiến Tam không đồng tọa, cần ư bất kiến chính tinh, bại diệu : dị thân thoát tục thiện nhân (đi tu) hạnh phát hỷ hài vĩnh cửu.

### CUNG TỶ

62. Phúc cư Tốn (Hỏa), nhược kiến Triệt cư, Tham, Liêm, Âm, Cự, nam bất thiện nhân, gia hội Đào, Hồng, Cô, Kỵ, Kiếp, Riêu ; độc phụ chi nhân (đàn bà thâm lộc); hãn phùng Đế diệu, Dương, Cơ, Tướng, Mã, Vũ, Quyền, Khoa, Tuyệt (tuyệt lâm hỏa địa) : nữ tất vinh phu lợi tử, nam tài văn võ, xuất sử danh bạ.

Phúc tại Tỵ Cung, hạnh lâm Tuần ngự, Tướng, Ấn, Tử, Lương ; nữ tài thao lược, giao lai Khôi, Việt, Khoa, Hồng, Lộc, Quả, sĩ phu chi tự ; Nhược ngộ Triệt tinh, Hao, Sát, Tuyệt, Lương, Hỏa, Việt, Kiếp, Hồng : nam thành ố hữu phản sự, nữ tất dâm ô, hữu tài vô hạnh.

### CUNG SỬU

63. Phúc cư Quý (Sửu) hương, nhược lai Nhật, Nguyệt, tu kiến Không Tinh, Long, Kiếp, Kinh xâm, nam nhân sát bại ; nhược Việt, Khoa, Hổ, Khốc : nữ nhân toại hưởng phúc tướng vinh phú.

Phúc tại Sửu Cung, cư tọa Vũ, Tham, diệc cầu Tả, Hữu, Phượng, Long, Mộ tọa ; nam hiển danh tài hoặc lai tam Hóa, Hổ, Riêu, nữ tất giang hồ hiển hách danh gia.

### CUNG MÙI

64. Phúc cư Mùi địa, Âm, Dương hỗn hợp Không tinh, nhược nhân sinh tự thư thời (ban ngày) kiêm hội văn tinh Quyền, Lộc, đa phát bằng khoa. Nhược hội Kinh, Đà, Hình, Ấn, hiển đạt võ công Hồng, Kiếp lai sâm, tuế thọ nan trường.
65. Phúc tọa Dinh sơn (Dinh sơn Quý hương) Tứ Sát (Tử, Phá hoặc Liêm, Sát) đồng cư Mộ diệu, lai kỷ nhân (người nào) sinh mộ dạ, cư triều sát diệu, Kỵ, Lưu giang

hồ ngộ sát ; hạnh kiêm Sinh, Vượng, Long, Khoa hiển tài ngư phủ, (đi thủy binh hoặc đánh cá), Quyền, Hình, tọa củng, thường hành án pháp.

### **CUNG TUẤT**

66. Phúc cư Địa Vọng, hạnh phùng Phụ, Bật, Hồng, Quyền, Tử, Phủ mộ tinh vi tối hảo, Âm, công hoạch phát, kiến công lập nghiệp dị thành ; khủng kiến Cự. Đồng, Kiếp, Tuyệt, Xương, Linh ; mộ phần đa phát tật nguyên, bản cách vô môn khả đảo.

### **CUNG THÌN**

Phúc tọa Thiên La, ưu kiến Sát, Đà, Kinh, Phá, Hỏa, Tang, Tử (Sao Tử) Kiếp thì nhược suy, sốt tán, tài hao, xuất ngoại nan thành, nhược đãi Mộ Tinh Phúc Đức Tử Tôn đời đời vinh hiển.

----- **HẾT** -----